

TRỊNH TIẾN DŨNG

LÀNG CỔ BÔN (ĐÔNG THANH, ĐÔNG SƠN, THANH HÓA)
TỪ THÀNH LẬP ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9.22.90.13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Công trình được hoàn thành tại:

Người hướng dẫn khoa học:

1. GS. TSKH. NGND. VŨ MINH GIANG
2. PGS. TS. NGUYỄN THỊ THUÝ

Phản biện 1: PGS. TS. Trần Văn Thức

Sở GD và ĐT Thanh Hoá

Phản biện 2: PGS. TS. Đinh Quang Hải

Viện Sử học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Việt Nam

Phản biện 3: TS. Phạm Đức Anh

Viện Việt Nam học & Khoa học phát triển – Đại học Quốc gia Hà Nội

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Trường Đại học Hồng Đức chấm luận án tiến sĩ họp tại
vào hồi giờ ngày tháng năm 2024

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Hồng Đức.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Trong diễn trình lịch sử dân tộc Việt Nam, làng xã là nơi tụ cư, cộng đồng kinh tế - xã hội của đất nước. Đây là cơ sở nền tảng của văn hoá, văn minh Việt Nam và là cội nguồn sức mạnh chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược. Trong xu thế phát triển hiện nay, làng Việt trở thành không gian bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc; địa bàn quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đặc biệt, dưới tác động của quá trình đô thị hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, làng xã Việt Nam đã và đang có nhiều biến đổi. Từ thực tiễn này đặt ra yêu cầu cần có nhận thức toàn diện về làng xã để phát huy thế mạnh, thanh lọc những hạn chế, tham vấn các chính sách phát triển nông thôn Việt Nam văn minh và hiện đại. Vì vậy, nghiên cứu về làng Việt không chỉ làm sáng tỏ quá khứ mà còn cung cấp các luận cứ khoa học cần thiết để tiếp tục tìm hiểu về xã hội Việt Nam. Đồng thời, định hướng các giải pháp phát triển phù hợp trong thời kì đổi mới đất nước và hội nhập toàn cầu.

1.2. Đông Sơn - vùng đất “*địa linh nhân kiệt*” gắn liền với dấu tích của nền văn hoá - văn minh Đông Sơn toả sáng nhân loại. Trong đó, quá trình phát sinh, phát triển của văn hóa Đông Sơn cũng chính là quá trình cộng đồng cư dân địa phương khai thác và làm chủ vùng đồng bằng hạ lưu sông Mã đặt nền móng cho sự ra đời của nhà nước Văn Lang trong lịch sử dân tộc Việt. Hiện nay, trên địa bàn vùng đất Đông Sơn còn hiện hữu nhiều ngôi làng cổ bảo lưu được các giá trị văn hoá truyền thống phản ánh quá trình hình thành và phát triển của địa phương trong dòng chảy lịch sử dân tộc. Những giá trị đó được kết tinh qua các thành tựu về sản xuất, chiến đấu, hệ thống các loại hình di sản văn hoá. Tất cả đã tạo dựng cho vùng đất Đông Sơn bản sắc văn hoá dân tộc.

1.3. Làng Cổ Bôn xưa - xã Đông Thanh ngày nay thuộc huyện Đông Sơn. Nằm ở trung tâm của vùng đồng bằng sông Mã, ngay từ thời kì dựng nước cách ngày nay gần 3000 năm, làng Cổ Bôn đã là vùng đất có cư dân Việt cổ sinh sống. Tuy nhiên, bên cạnh những đặc điểm mang mẫu số chung của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước làng Cổ Bôn còn có những đặc trưng nổi trội. Trong lịch sử, Cổ Bôn là vùng đất nổi danh với truyền thống hiếu học và khoa cử với 8 vị đỗ Đại khoa cùng nhiều Hương cống, Cử nhân được lưu danh sử sách. Bởi vậy, người Ái Châu xưa và Thanh Hoá ngày nay vẫn truyền tụng nhau rằng “*Đông Sơn tứ Bôn, Hoàng Hó lương Bôn*” để chỉ những vùng đất hiếu học và khoa bảng của xứ Thanh, trong đó đặc biệt là làng Cổ Bôn.

Trải qua thăng trầm của lịch sử, cộng đồng cư dân Cổ Bôn còn tạo dựng và bảo lưu được hệ thống di sản văn hóa vật thể, phi vật thể phong phú phản ánh đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của làng qua các thời kỳ lịch sử. Tiêu biểu như đình làng Ngọc Tích, đền thờ Nguyễn Văn Nghi, đền Đế Thích... và các lễ hội truyền thống, trò diễn dân gian Ngũ trò Bôn, ngữ văn dân gian... Các di sản là những bằng chứng xác thực cho quá trình lao động bền bỉ, sự sáng tạo của cộng đồng cư dân Cổ Bôn trong xây dựng và phát triển làng xã.

1.4. Với bề dày lịch sử và chiều sâu văn hoá nêu trên, làng Cổ Bôn đã trở thành đối tượng quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học. Tuy nhiên, cho đến nay, phần lớn các công trình nghiên cứu đã công bố chỉ tập trung ở một số lĩnh vực mà chưa có tính toàn diện về vùng đất Cổ Bôn. Bởi vậy, nghiên cứu trường hợp làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX và chỉ rõ đặc trưng trên các khía cạnh lịch sử, kinh tế, văn hoá và xã hội sẽ giúp nhận diện chuẩn xác quá khứ đồng thời cung cấp cơ sở để hiểu rõ về làng xã vùng đất Đông Sơn và trên cả nước; góp phần làm sáng tỏ một trong những thành tố, một đỉnh của tam giác văn hóa giữ nước: *Nhà - Làng - Nước*.

Hiện nay, dưới tác động mạnh mẽ của quá trình biến đổi từ “*làng lên phố*”, làng Cổ Bôn đã và đang có nhiều biến đổi. Vì vậy, nghiên cứu về vùng đất Cổ Bôn để có định hướng, giải pháp phù hợp cho quá trình phát triển ở hiện tại và trong tương lai là việc làm có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Các kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần giáo dục truyền thống văn hoá quê hương, đất nước và cung cấp các luận cứ khoa học cần thiết để các

cấp chính quyền địa phương hoạch định chính sách, giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc.

Xuất phát từ những lí do trên, tôi đã chọn vấn đề *Làng Cổ Bôn (Đông Thanh, Đông Sơn, Thanh Hóa) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX* làm đề tài nghiên cứu cho Luận án Tiến sĩ Lịch sử của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án làm rõ quá trình hình thành, phát triển của làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX trên các phương diện kinh tế, xã hội và văn hóa. Từ đó xác định đặc trưng của làng Cổ Bôn trong tổng thể làng Việt truyền thống ở vùng đồng bằng sông Mã.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục đích trên, luận án cần tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu các công trình liên quan đến đề tài và nguồn tư liệu. Trên cơ sở đó phân tích những nội dung luận án được kế thừa và các vấn đề cần tiếp tục làm sáng rõ.

- Phân tích đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên; chỉ rõ tác động của các yếu tố này đến quá trình hình thành và phát triển làng xã. Qua đó tái hiện lịch sử hình thành, phát triển và bức tranh truyền thống lịch sử - văn hóa vùng đất Cổ Bôn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX.

- Phân tích tình hình ruộng đất và đặc điểm kinh tế làng Cổ Bôn trong sự phát triển kinh tế của huyện Đông Sơn. Từ đó chỉ rõ những đặc trưng kinh tế trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và hoạt động buôn bán.

- Đánh giá về thiết chế chính trị - xã hội, kết cấu dân cư và các hình thức tổ chức, tập hợp dân cư. Đồng thời luận giải những đặc điểm chung và nét riêng của làng Cổ Bôn so với các làng xã khác ở vùng đồng bằng sông Mã.

- Hệ thống hoá các di sản văn hoá và đánh giá đặc trưng nổi bật của giáo dục, khoa cử vùng đất Cổ Bôn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình hình thành và phát triển vùng đất Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục, khoa cử.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án tập trung nghiên cứu, làm sáng tỏ những nội dung cơ bản, đặc trưng của làng Cổ Bôn trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục, khoa cử. Tuy nhiên, do điều kiện nguồn tư liệu còn hạn chế, mang tính tản mát và không xuyên suốt theo diễn trình lịch sử, do vậy trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài, dựa trên các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành và đa ngành, tác giả đã căn cứ vào thuận lợi cũng như hạn chế của nguồn tư liệu hiện có để giải quyết các vấn đề đặt ra, bao gồm:

+ Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên; quá trình hình thành và phát triển làng xã; truyền thống lịch sử - văn hóa tiêu biểu.

+ Tình hình sở hữu ruộng đất ở giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX, đặc điểm sản xuất nông nghiệp và hoạt động buôn bán tại địa phương.

+ Tổ chức quản lý làng xã, kết cấu dân cư, các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư (ngõ, xóm, giáp, hội Tư văn, gia đình, dòng họ...).

+ Hệ thống hoá và đánh giá giá trị các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và thành tựu khoa cử vùng đất Cổ Bôn.

- *Về không gian*: Không gian nghiên cứu chủ yếu của đề tài được giới hạn trên địa bàn vùng đất Cổ Bôn

xưa - địa bàn mà cách ngày nay gần 3000 năm đã có sự sinh sống của người Việt cổ. Tên gọi ban đầu của làng là *Kẻ Bôn* sau đổi thành *Cổ Bôn* rồi *Bồ Lô Trang* (có tài liệu đề cập là *Trang Bôn*). Đến giữa thế kỉ XIX, làng *Cổ Bôn* gồm 4 làng nhỏ, bao gồm: Phúc Triền, Ngọc Tích, Quỳnh Bôi, Kim Bôi. Hiện nay, làng *Cổ Bôn* chính là xã Đông Thanh, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Tuy nhiên, tác giả luận án nhận thấy trong quá trình tồn tại và phát triển, làng xã Việt Nam nói chung và vùng đất *Cổ Bôn* nói riêng luôn có sự giao lưu, tiếp biến với các làng xã để từ đó làm giàu cho văn hoá quê hương. Vì vậy, đề tài còn mở rộng phạm vi khảo sát đến các làng xã khác của huyện Đông Sơn, xứ Thanh và trên cả nước để có sự so sánh, đối chiếu nhằm làm sáng tỏ đặc trưng của vùng đất *Cổ Bôn* trong lịch sử.

- *Về thời gian*: Luận án tập trung nghiên cứu về làng *Cổ Bôn* giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX. Cụ thể là từ khi hình thành làng xã cho đến năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam. Tác giả lấy mốc giới hạn thời gian nghiên cứu đến năm 1858 bởi lẽ đây là thời kì quốc gia phong kiến độc lập, làng xã Việt Nam nói chung và *Cổ Bôn* nói riêng ít có biến động. Những đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương phản ánh rõ nét những đặc trưng lịch sử - văn hoá dân tộc. Đặc biệt, trong lịch sử, *Cổ Bôn* là vùng đất nổi danh với truyền thống hiếu học và thành tựu khoa bảng. Vì vậy, tác giả tập trung vào khoảng thời gian giáo dục Nho học để làm sáng tỏ thành tựu, từ đó khẳng định đây là địa phương hiếm có trên cả nước với bề dày truyền thống khoa bảng đáng tự hào. Tuy nhiên, lịch sử là một dòng chảy liên tục và xuyên suốt, đồng thời để làm nổi bật tính toàn diện của quá trình hình thành và phát triển làng xã, làm rõ sự kế thừa truyền thống cha ông, đặc biệt trong giáo dục khoa cử, ở một số nội dung, tác giả đã mở rộng phạm vi thời gian đến những giai đoạn sau để nghiên cứu, luận giải các vấn đề. Từ đó làm sáng tỏ đặc trưng vùng đất *Cổ Bôn* không chỉ trong lịch sử mà còn ở hiện tại, cung cấp một cái nhìn tổng quan về vấn đề nghiên cứu.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án quán triệt các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về lịch sử, kinh tế, văn hoá và xã hội... để nghiên cứu làng *Cổ Bôn* từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành và đa ngành. Với hướng tiếp cận này, làng *Cổ Bôn* được nghiên cứu toàn diện trên các lĩnh vực để từ đó rút ra các đặc điểm trong tổng thể không gian lịch sử - văn hoá khu vực đồng bằng sông Mã. Tuy nhiên, vấn đề *Làng Cổ Bôn (Đông Thanh, Đông Sơn, Thanh Hóa) từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX* thuộc mảng đề tài nghiên cứu về làng xã truyền thống. Đây là vấn đề chuyên sâu của khoa học lịch sử. Vì vậy, phương pháp lịch sử và phương pháp logic được tác giả sử dụng xuyên suốt trong quá trình thực hiện đề tài.

Sử dụng phương pháp lịch sử để phác họa chân thực quá trình hình thành, phát triển làng *Cổ Bôn* theo tiến trình lịch sử địa phương, dân tộc. Phương pháp logic để làm rõ mối liên hệ, tác động của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, hệ thống giao thông... đến lịch sử hình thành làng xã, đặc điểm kinh tế, xã hội và văn hoá của địa phương. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của phương pháp lịch sử và logic, tác giả sẽ tổng hợp, đánh giá để rút ra các luận điểm khoa học một cách trung thực, khách quan về đặc trưng và vị thế của làng *Cổ Bôn* trong bức tranh làng cổ khu vực đồng bằng sông Mã.

Bên cạnh phương pháp lịch sử, logic, làng Việt được xem là tổng hợp của các yếu tố kinh tế, văn hoá và xã hội... Do đó, để hiểu một cách toàn diện về làng Việt thì cần tìm hiểu đầy đủ các yếu tố cấu thành nên làng xã truyền thống. Vì vậy, trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài, tác giả đã tiếp cận, sử dụng phương

pháp khu vực học. Lấy không gian văn hóa - xã hội bao gồm các lĩnh vực hoạt động của con người và quan hệ tương tác giữa con người với điều kiện tự nhiên làm đối tượng nghiên cứu, tác giả đặt làng Cổ Bôn trong mối quan hệ tương tác giữa điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và môi trường xã hội... để phân tích, đánh giá từ nhiều góc độ khác nhau. Từ đó rút ra mối liên hệ giữa các thành tố và làm sáng tỏ lịch sử hình thành, phát triển cũng như đặc trưng kinh tế, xã hội và văn hoá vùng đất Cổ Bôn.

Luận án sử dụng phương pháp thống kê, định lượng để nghiên cứu về tình hình sở hữu ruộng đất, đặc điểm kinh tế, xã hội... vùng đất Cổ Bôn. Sau khi thu thập được các số liệu ruộng đất ở Cổ Bôn nửa đầu thế kỉ XIX từ các đơn vị địa bạ Minh Mệnh 11 tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, tác giả luận án đã phân tích số liệu, luận giải các vấn đề có liên quan. Từ đó trình bày các kết quả nghiên cứu về tình hình sở hữu ruộng đất cũng như đặc điểm kinh tế làng Cổ Bôn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX. Đồng thời, tác giả luận án còn thu thập, thống kê các loại hình di sản văn hoá, danh sách các vị Đại khoa, Hương cống, Cử nhân để minh chứng cho bề dày truyền thống hiếu học và thành tựu khoa bảng nổi trội của vùng đất Cổ Bôn trong lịch sử.

Tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp để sưu tầm, tổng hợp các nguồn tư liệu có liên quan nhằm làm rõ đặc trưng của vùng đất Cổ Bôn. Các nguồn tư liệu bao gồm tư liệu thành văn, tư liệu vật chất, tư liệu văn hoá dân gian.... Tác giả còn đặt làng Cổ Bôn trong "*không gian văn hóa xứ Thanh*" và tổng thể làng Việt truyền thống trên cả nước để so sánh, đối chiếu các vấn đề về tình hình sở hữu ruộng đất, đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội từ đó làm nổi bật những đặc trưng của vùng đất Cổ Bôn trong lịch sử.

Tác giả sử dụng phương pháp điền dã tại địa phương và các làng xã phụ cận để thu thập thêm nguồn tư liệu; kết hợp phương pháp hồi cố, phỏng vấn các cụ cao niên, người dân có hiểu biết về lịch sử hình thành làng xã, hoạt động giao thương của chợ Bôn, kết cấu dân cư, các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư, quá trình xây dựng, trùng tu, tôn tạo của một số di tích... [PL3; PL116]. Trong quá trình phỏng vấn, tác giả đã ghi chép các thông tin, sau đó phân tích, xử lí để thu thập tối đa nguồn tư liệu về làng Cổ Bôn, bổ sung cho những thiếu hụt của chính sử để từ đó có cái nhìn toàn diện, khách quan về vấn đề nghiên cứu.

Ngoài ra, Luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu của các chuyên ngành có liên quan như: Dân tộc học, Văn hoá học, Khảo cổ học...

5. Đóng góp của luận án

Luận án là công trình nghiên cứu toàn diện, hệ thống về vùng đất Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX. Kết quả nghiên cứu của luận án đã nêu bật được quá trình hình thành, phát triển, tình hình kinh tế - xã hội cũng như các truyền thống lịch sử - văn hóa tiêu biểu của vùng đất Cổ Bôn. Từ đó, rút ra những kết luận về đặc điểm chung cũng như tính đa dạng, đặc thù của làng Việt cổ truyền.

Thông qua những thông tin cơ bản về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, quá trình biến đổi diện cách hành chính, luận án giúp người đọc định vị được diễn trình lịch sử của vùng đất Cổ Bôn từ khi thành lập đến ngày nay.

Luận án góp phần khẳng định vị thế của làng Cổ Bôn trong dòng chảy lịch sử địa phương - dân tộc và chỉ ra mối liên hệ giữa truyền thống và hiện tại. Đây là các luận cứ khoa học cần thiết giúp các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương hoạch định chính sách phát triển cho vùng đất Cổ Bôn trong giai đoạn hiện nay.

Luận án góp thêm một nghiên cứu trường hợp về làng xã truyền thống ở Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung. Công trình bổ sung nguồn tư liệu có giá trị về làng xã Việt Nam; làm rõ về địa danh tên chùa, tên nghề, những nhân vật được thờ tự, từ đó phục vụ cho việc biên soạn lịch sử làng xã. Đây còn là nguồn tài liệu cần thiết cho giáo viên, học sinh, sinh viên trong nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương, dân tộc.

Luận án có ý nghĩa thiết thực trong việc tuyên truyền, quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống; bồi dưỡng niềm tự hào, lòng yêu quê hương, đất nước cho người dân Cổ Bôn. Từ đó, phát huy vai trò của cộng

đồng cư dân địa phương trong quá trình xây dựng, phát triển vùng đất Cổ Bôn giàu mạnh và bảo lưu được nhiều giá trị văn hóa truyền thống.

Bên cạnh đó, luận án còn giới thiệu và phân tích các nguồn tư liệu ở làng Cổ Bôn và về vùng đất Cổ Bôn. Nguồn tư liệu này không chỉ để triển khai nghiên cứu luận án mà còn là cơ sở cho việc tiếp tục triển khai nghiên cứu về làng Cổ Bôn ở giai đoạn tiếp theo.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp thêm một nghiên cứu trường hợp về vùng đất Cổ Bôn từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX. Công trình làm nổi bật những đặc điểm của quá trình hình thành, phát triển; tình hình kinh tế - xã hội; văn hoá và thành tựu khoa cử làng Cổ Bôn. Kết quả luận án góp phần củng cố thêm về mặt lý luận, cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu về làng xã ở xứ Thanh và Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án góp phần nhận thức đầy đủ, toàn diện về làng Cổ Bôn, rút ra các luận cứ khoa học cho công tác quản lý, xây dựng và phát triển nông thôn mới... Việc làm này đã đáp ứng yêu cầu của Đảng, Chính phủ đặt ra trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam thời kì đổi mới đất nước và hội nhập toàn cầu.

Luận án cung cấp cơ sở khoa học cần thiết cho công tác hoạch định chính sách, giải pháp bảo tồn các giá trị truyền thống của làng xã cũng như phát huy nguồn lực vào công cuộc phát triển kinh tế, xã hội địa phương hiện nay.

Luận án là nguồn tài liệu giúp cho nhân dân tỉnh Thanh Hóa, huyện Đông Sơn và vùng đất Cổ Bôn thêm hiểu biết, gắn bó với quê hương. Đây là tài liệu tham khảo cần thiết cho cán bộ, giáo viên làm công tác quản lý, nghiên cứu, giảng dạy lịch sử, văn hóa ở các nhà trường và một số cơ quan bảo tàng, văn hóa, du lịch ở tỉnh Thanh Hóa.

7. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án được trình bày trong 04 chương:

Chương 1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu vấn đề và nguồn tư liệu

Chương 2. Quá trình hình thành và phát triển làng Cổ Bôn

Chương 3. Kinh tế, chính trị - xã hội làng Cổ Bôn

Chương 4. Văn hóa và thành tựu khoa cử làng Cổ Bôn

Chương 1.

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ VÀ NGUỒN TƯ LIỆU

1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về làng xã Việt Nam

Làng xã Việt Nam từ rất sớm đã trở thành đối tượng thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước. Có thể nói “*ít có đề tài khoa học nào lại được sự quan tâm lâu dài, rộng rãi và toàn diện như đề tài làng xã Việt Nam*”. Vì vậy, hàng loạt các công trình nghiên cứu về làng Việt đã được công bố.

* Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Từ thế kỉ XVII, làng xã Việt Nam đã trở thành đối tượng nghiên cứu của các thương nhân và giáo sĩ phương Tây. Một số tác phẩm xuất bản tiêu biểu như *Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài* của Alexandre de Rhodes, *Tập du ký mới và kì thú về Vương quốc Đàng Ngoài* của Jean Baptiste Tavernier, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688* của Dampier William...

Trong giai đoạn tiếp theo, nổi bật có *Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII, XVIII* của Insun Yu.

Bước sang thế kỉ XXI, các công trình nghiên cứu về làng xã Việt Nam theo hướng tiếp cận liên ngành và đa ngành được công bố rộng rãi. Tiêu biểu có *Làng Việt đối diện tương lai hồi sinh quá khứ: Một nghiên cứu về thay đổi xã hội ở một làng miền Bắc Việt Nam* của John Kleinen...

Các học giả nước ngoài còn hợp tác với các đơn vị, nhà khoa học ở Việt Nam để nghiên cứu về làng xã, nông thôn Việt Nam. Tiêu biểu là chương trình hợp tác Việt - Pháp để nghiên cứu làng xã vùng đồng bằng sông Hồng. Chương trình hợp tác Việt - Nhật nghiên cứu về nông thôn, nông nghiệp và làng xã châu thổ sông Hồng qua trường hợp làng Bách Cốc (Vụ Bản, Nam Định)...

Các Hội thảo quốc tế Việt Nam học (1998, 2004, 2008, 2012, 2016, 2021) mặc dù không trực tiếp bàn luận về làng xã Việt Nam nhưng cũng đã đề cập một số khía cạnh và vai trò của làng Việt trong diễn trình lịch sử dân tộc.

* Nghiên cứu của các tác giả trong nước

Trước *Cách mạng tháng Tám năm 1945* nổi bật có *Việt Nam phong tục, Vấn đề dân cày...*

Sau *Cách mạng tháng Tám năm 1945* có *Xã thôn Việt Nam, Nếp cũ làng xóm Việt Nam, Tín ngưỡng Việt Nam, Việt sử xứ Đàng Trong 1558 – 1777, Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang, Lịch sử khẩn hoang miền Nam...*

Sau *Đại thắng mùa xuân năm 1975* nổi bật có *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử* (2 tập); *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ, Lệ làng phép nước...*

Từ năm 1986 đến nay có một số công trình tiêu biểu như *Làng xã Việt Nam: một số vấn đề kinh tế - xã hội, Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam, Một số vấn đề làng xã Việt Nam, Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ, Làng Việt ở Bắc Bộ - truyền thống và biến đổi...*

Làng xã Việt Nam còn trở thành đề tài nghiên cứu cho nhiều luận văn, luận án... Nhiều tạp chí cũng đã đăng tải các bài viết về làng Việt và vai trò của làng Việt trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

1.2.2. Những nghiên cứu về tỉnh Thanh Hóa và làng Cổ Bôn

* Những công trình nghiên cứu về tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hóa là một tỉnh lớn có vị trí quan trọng trong diễn trình lịch sử dân tộc. Các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội và văn hoá của tỉnh Thanh Hóa từ rất sớm đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Đầu thế kỉ XX, công trình nổi bật có *Thanh Hóa quan phong* của Vương Duy Trinh.

Sau Vương Duy Trinh, ở thời Pháp thuộc, các quan cai trị đầu tỉnh cũng đã có các công trình nghiên cứu, tìm hiểu về vùng đất xứ Thanh. Tiêu biểu có *Le Thanh Hóa (Tỉnh Thanh Hóa)* của Charles Robequain.

Trong giai đoạn tiếp theo, các công trình nghiên cứu về xứ Thanh rất đa dạng, phong phú. Nổi bật có bộ *Lịch sử Thanh Hóa* (5 tập); *Khảo sát làng văn hóa xứ Thanh*, Bộ *Địa chí Thanh Hóa* (4 tập)...

Nhiều luận văn, luận án cũng đã lựa chọn làng xã xứ Thanh để nghiên cứu. Tiêu biểu như Luận án Tiến sĩ Lịch sử của Phạm Văn Tuấn về *Cơ cấu tổ chức làng xã truyền thống của làng Việt ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa*; Luận án Tiến sĩ Lịch sử của Mai Phương Ngọc về *Cơ cấu kinh tế, xã hội và văn hóa xã Hoằng Lộc (Hoằng Hóa, Thanh Hóa) thời kì trung đại*; Luận án Tiến sĩ Lịch sử *Kinh tế, xã hội và văn hóa làng Cổ Định (Thanh Hóa) đến đầu thế kỷ XX* của Nguyễn Văn Bảo...

** Những công trình nghiên cứu về làng Cổ Bôn*

Công trình nghiên cứu về làng Cổ Bôn nổi bật có *Khảo sát văn hóa truyền thống làng Cổ Bôn, Trò diễn dân gian vùng Đông Sơn, Lịch sử Đảng bộ huyện Đông Sơn (1930 – 2000), Địa chí huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Lịch sử Đảng bộ xã Đông Thanh...*

Nhiều Khóa luận tốt nghiệp, luận văn Thạc sĩ cũng đã đi sâu nghiên cứu một số khía cạnh của vùng đất Cổ Bôn như khoá luận *Dòng họ và quan hệ dòng họ ở Cổ Bôn*; Luận văn Thạc sĩ *Truyền thống khoa bảng của làng Cổ Bôn (xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa)*; Luận văn Thạc sĩ *Lịch sử văn hóa vùng đất Đông Thanh (Đông Sơn, Thanh Hóa)*; Luận văn Thạc sĩ *Khảo cứu di văn Hán Nôm tại cụm di tích lịch sử Cổ Bôn - Đông Sơn - Thanh Hoá...*

1.1.3. Một vài nhận xét về tình hình nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về làng xã Việt Nam không phải là một hướng nghiên cứu mới. Lịch sử nghiên cứu về làng Việt nhất là trong mấy chục năm gần đây đã có rất nhiều thành tựu nổi bật. Nhiều công trình nghiên cứu về làng Việt đã được công bố. Mặc dù có những quan điểm, mục đích khác nhau trong quá trình nghiên cứu nhưng các công trình đã cung cấp nguồn tư liệu quan trọng, những nhận định có giá trị về làng xã và xã hội Việt Nam góp phần làm sáng tỏ diện mạo làng Việt truyền thống. Đây chính là nguồn tài liệu cung cấp cho tác giả luận án những hiểu biết chung về làng xã Việt Nam để từ đó đi sâu khai thác, nghiên cứu về làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX.

Đối với trường hợp làng Cổ Bôn, qua phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề, tác giả luận án nhận thấy:

Vùng đất Cổ Bôn từ rất sớm đã trở thành chủ đề được quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu. Đến nay, nhiều công trình nghiên cứu về làng Cổ Bôn đã được công bố như sách chuyên khảo, khoá luận tốt nghiệp, luận văn Thạc sĩ. Trong đó, cuốn *Khảo sát văn hóa truyền thống làng Cổ Bôn* là công trình có tính tổng hợp về vùng đất Cổ Bôn. Tuy nhiên, đặc trưng kinh tế, xã hội từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX chưa được quan tâm đúng mức. Các công trình nghiên cứu khác cũng tập trung nghiên cứu về dòng họ, truyền thống khoa cử, lịch sử văn hoá hay các di văn Hán Nôm tại địa phương. Hiện chưa có công trình khảo cứu toàn diện về vùng đất Cổ Bôn. Vì vậy, vấn đề *Làng Cổ Bôn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX* còn là một khoảng trống để tác giả tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu.

1.2. Tổng quan về nguồn tư liệu

1.2.1. Tư liệu thành văn

** Nguồn thư tịch cổ*

Nguồn thư tịch cổ có liên quan đến vấn đề nghiên cứu là các bộ sử, sách do các triều đại phong kiến hoặc các cá nhân như bộ sách *Đại Việt sử kí toàn thư (thời Lê)*, *Lịch triều hiến chương loại chí...* Đây là những công trình có đề cập đến một số thông tin của làng xã dưới góc độ cơ cấu tổ chức, luật pháp, chính trị, quân sự, văn

hóa và xã hội... Mặc dù không trực tiếp đề cập đến làng Cổ Bôn nhưng nguồn thư tịch cổ đã cung cấp cho tác giả luận án cái nhìn tổng quan cũng như cơ sở lí luận để đi sâu nghiên cứu về làng Cổ Bôn trong lịch sử.

** Địa bạ*

Địa bạ làng Cổ Bôn niên đại Minh Mệnh 11 (1830) nằm trong bộ địa bạ của tổng Thạch Khê hiện đang được lưu giữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia I. Các đơn vị địa bạ bao gồm: địa bạ xã Ngọc Bôi, Ngọc Đồi, ký hiệu C25; địa bạ xã Phúc Thọ, ký hiệu C29; địa bạ xã Quỳnh Bôi, ký hiệu C29.

Nội dung các đơn vị địa bạ đã cung cấp các số liệu cần thiết về tình hình ruộng đất của vùng đất Cổ Bôn ở nửa đầu thế kỉ XIX (1830)... Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của địa bạ Đông Sơn nói chung và Cổ Bôn nói riêng là chỉ có địa bạ Minh Mệnh 11 (1830) nên việc tái hiện tình hình ruộng đất làng Cổ Bôn giai đoạn trước thế kỉ XIX còn hạn chế.

** Gia phả*

Các bản gia phả còn được lưu giữ tại vùng đất Cổ Bôn đã cung cấp các thông tin về nguồn gốc dân cư, sự hình thành làng xã và một số đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hoá địa phương. Các bản gia phả tác giả tiếp cận được bao gồm: Gia phả họ Nguyễn lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Hữu Tân, làng Phúc Triền; gia phả họ Nguyễn lưu giữ tại nhà ông Nguyễn Văn Tiệp, làng Ngọc Tích; gia phả dòng họ La lưu giữ tại nhà ông La Đức Mạnh, tại làng Ngọc Tích và gia phả họ Cao lưu giữ tại nhà ông Cao Văn Tịch, tại làng Ngọc Tích.

** Văn bia*

Tại các di sản hiện còn lưu giữ nhiều văn bia có niên đại trải dài từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỷ XX. Tiêu biểu như văn bia *Phúc Khê tướng công từ, Thượng Thư lệnh công ký* tại đền thờ Nguyễn Văn Nghi; văn bia *Sinh từ thạch* làng Kim Bôi; văn bia *Phụng tự tiên hiền bi ký* làng Ngọc Tích...

Các văn bia đã lưu giữ nhiều thông tin quan trọng về tục lệ, dòng họ, các nhân vật lịch sử làng Cổ Bôn... Đây chính là cơ sở để tác giả đánh giá vai trò của các danh nhân đồng thời khảo tả diện mạo, giá trị của hệ thống di sản tại địa phương...

** Sắc phong*

Cùng với các văn bia, một số di tích còn lưu giữ được nhiều sắc phong có giá trị về mặt lịch sử và văn hoá. Nhà thờ Nguyễn Trùng còn 9 đạo sắc phong; đền thờ Đệ Thích có 8 đạo sắc phong; đền thờ Nguyễn Văn Nghi còn 8 sắc phong khẳng định tài năng và công đức của Nguyễn Văn Nghi; nhà thờ họ Lê còn 3 đạo sắc phong; nhà thờ các vị Tiến sĩ họ Lê Khả có một sắc phong; nhà thờ Cao Cừ còn một sắc phong. Các bản sắc phong là nguồn tư liệu phản ánh về các nhân vật được thờ tự tại di tích; giúp tác giả luận án đánh giá công trạng của các danh nhân, góp phần khôi phục những vấn đề chung về làng Cổ Bôn.

Bên cạnh đó, các Hồ sơ lý lịch di tích, bài báo, tạp chí... về vùng đất Cổ Bôn cũng giúp ích cho tác giả rất nhiều cho quá trình phục dựng bức tranh tổng thể về làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX.

1.2.2. Tư liệu vật chất

Nguồn tư liệu vật chất (di tích, di vật lịch sử...) còn hiện hữu tại các di sản cũng là một trong số các nguồn tư liệu quan trọng, góp phần làm sáng tỏ lịch sử vùng đất Cổ Bôn trong lịch sử trên các phương diện: kinh tế, xã hội và văn hoá... Nguồn tư liệu vật chất tác giả tiếp cận được qua các đợt điền dã tại địa phương tiêu biểu có nhóm hiện vật bằng đá tại đền thờ Nguyễn Văn Nghi, một số bát hương, ngai thờ, kiếm thờ, hoành phi, câu đối tại các di sản khác như đền thờ Lưu Ngạn Quang, Thiều Sỹ Lâm, nhà thờ họ Cao...

1.2.3. Tư liệu văn hoá dân gian

Nguồn tư liệu văn hoá dân gian bao gồm các truyện kể, truyền thuyết về lịch sử thành lập làng, cách giải thích dân gian về địa danh, các câu ca dao, tục ngữ về kinh nghiệm trong sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp... Đây là nguồn thông tin quan trọng, góp phần bổ sung cho các tư liệu thành văn.

1.2.4. Một vài nhận xét về nguồn tư liệu

Nguồn tư liệu liên quan đến vùng đất Cổ Bôn khá đa dạng và giàu giá trị khoa học. Các nguồn tư liệu bao gồm nhiều nhóm khác nhau và đề cập đến các khía cạnh như quá trình hình thành, phát triển, tình hình kinh tế, xã hội, truyền thống hiếu học, khoa bảng của địa phương trong dòng chảy lịch sử. Đây chính là nguồn tư liệu quan trọng để tác giả tiến hành nghiên cứu về làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX.

1.3. Những vấn đề cần tiếp tục làm rõ

- *Thứ nhất*, phân tích đặc điểm vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên; chỉ rõ tác động của các yếu tố này đến quá trình hình thành và phát triển làng xã. Tái hiện quá trình hình thành làng xã và bức tranh truyền thống lịch sử - văn hóa vùng đất Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX.

- *Thứ hai*, phân tích tình hình ruộng đất và đặc điểm hoạt động kinh tế làng Cổ Bôn trong sự phát triển kinh tế của huyện Đông Sơn ở nửa đầu thế kỉ XIX. Từ đó chỉ rõ những đặc trưng kinh tế trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và hoạt động buôn bán.

- *Thứ ba*, đánh giá về tổ chức chính trị - xã hội, kết cấu dân cư và các hình thức tổ chức, tập hợp dân cư chủ yếu ở giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX. Đồng thời luận giải những đặc điểm chung và nét riêng của làng Cổ Bôn so với làng xã ở vùng đồng bằng sông Mã.

- *Thứ tư*, hệ thống hoá các di sản văn hoá và đánh giá đặc trưng nổi bật của giáo dục, khoa cử vùng đất Cổ Bôn.

Tiểu kết chương 1

Làng xã Việt Nam từ rất sớm đã trở thành chủ đề thu hút đông đảo các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu. Nhiều công trình khảo cứu về nông thôn, làng xã Việt Nam đã được công bố. Thành tựu nghiên cứu về làng xã Việt Nam đã bước đầu đáp ứng được đòi hỏi của công cuộc xây dựng nông thôn mới kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại. Đây là nguồn tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu, những người làm công tác hoạch định chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa làng xã trong bối cảnh đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, bởi tính đa dạng và đặc thù của làng xã truyền thống nên vẫn rất cần những công trình nghiên cứu về các làng xã của nhiều ngành khoa học trong đó có Sử học.

Đối với trường hợp làng Cổ Bôn, hiện đã có nhiều công trình nghiên cứu, khoa luận tốt nghiệp, luận văn, bài tạp chí được công bố. Các kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề của làng Cổ Bôn trong tiến trình phát triển của địa phương, dân tộc. Tuy nhiên, các công trình vẫn mang tính chất đơn lẻ, tập trung vào từng khía cạnh nhất định, chưa có tính hệ thống, toàn diện. Nghiên cứu toàn diện về vùng đất Cổ Bôn trong đó tập trung vào tình hình kinh tế và đặc điểm xã hội vẫn là khoảng trống cần được tìm hiểu kĩ lưỡng, sâu sắc. Vì vậy, vấn đề *Làng Cổ Bôn (Đông Thanh, Đông Sơn, Thanh Hóa) từ thành lập đến giữa thế kỉ XIX* là đề tài mang tính toàn diện, có sự kế thừa song không trùng lặp các công trình nghiên cứu đã công bố. Luận án là công trình nghiên cứu mang giá trị khoa học trên cả phương diện lí luận và thực tiễn sâu sắc.

Về tổng quan nguồn tư liệu, nhìn chung, nguồn tư liệu về vùng đất Thanh Hóa, huyện Đông Sơn và làng Cổ Bôn đa dạng, phong phú và rất có giá trị khoa học. Đó là nguồn tư liệu thành văn (nguồn thư tịch cổ, địa bạ, gia phả, văn bia, sắc phong, các công trình nghiên cứu, bài tạp chí, luận văn, luận án...); nguồn tư liệu vật chất (di tích, di vật lịch sử) và tư liệu văn hoá dân gian (truyện kể, truyền thuyết, ca dao, tục ngữ...) Các nguồn tư liệu đã phản ánh nhiều vấn đề về quá trình hình thành, tình hình kinh tế, xã hội và văn hóa truyền thống làng Cổ Bôn. Đây là những chất liệu cần thiết để tác giả phục dựng bức tranh tổng quát về làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX. Tuy nhiên, nguồn tư liệu còn tản mát, không có tính xuyên suốt qua các thời kì lịch sử. Vì vậy, trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài, tác giả luận án đã căn cứ điều kiện nguồn tư liệu hiện có để phân tích, trình bày những vấn đề cơ bản từ đó luận giải đặc điểm chung cũng như đặc trưng riêng của làng Cổ Bôn trong bức tranh tổng quát làng xã truyền thống xứ Thanh và trên cả nước.

Chương 2.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG CỔ BÔN

2.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

Tiếp cận từ góc độ địa – văn hoá, tác giả luận án trình bày vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên trong mối quan hệ tương tác với hoàn cảnh lịch sử để lý giải đặc trưng văn hoá vùng đất Cổ Bôn trong lịch sử.

Làng Cổ Bôn xưa – xã Đông Thanh hiện nay là một trong 14 xã, thị trấn của huyện Đông Sơn. Làng nằm cách thành phố Thanh Hóa 11km, cách huyện lỵ Đông Sơn 5km về phía Đông dọc theo quốc lộ 45 và tiếp giáp nhiều vùng đất nổi tiếng của xứ Thanh. Đó là xã Đông Tiến - cái nôi của phong trào cách mạng tỉnh Thanh Hoá; Kê Rý - Kê Chè - quê hương của nghề thủ công đúc đồng, nhà sử học đầu tiên của Việt Nam - Lê Văn Hưu; xã Đông Khê - trung tâm sinh hoạt văn hóa lớn của vùng châu thổ sông Mã và sông Chu trên bến dưới thuyền tập nập với các làng xóm bên kia sông trù phú.

Từ xa xưa ở vùng đất Cổ Bôn đã hình thành hai tuyến đường liên xã, liên huyện đi qua địa phận Cổ Bôn. Đó là tuyến đường Bôn - Giàng và Bôn - Rùn. Thời kì hiện đại có quốc lộ 45... Tuyến giao thông đường thuỷ bao gồm Phồn Giang và Nông Giang. Đặc điểm hệ thống giao thông nhìn chung thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân địa phương.

Với vị trí gần như trung tâm của huyện Đông Sơn, là cửa ngõ nối liền huyện Đông Sơn với huyện Thiệu Hóa và các huyện lân cận, làng Cổ Bôn có điều kiện giao lưu buôn bán, tiếp biến văn hoá với các khu vực để xây dựng xóm làng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây chính là một trong số các yếu tố quan trọng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tụ cư và phát triển làng xã vùng đất Cổ Bôn.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

Nằm ở vùng đồng bằng Thanh Hoá, vùng đất Cổ Bôn mang đặc điểm điều kiện tự nhiên vùng châu thổ. Địa hình tương đối bằng phẳng và có độ dốc nhỏ theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Đất đai phần lớn là đất phù sa được bồi tụ bởi dòng sông Chu với độ mùn khá cao, các chất dinh dưỡng trong đất phong phú. Khí hậu thuộc kiểu nhiệt đới ẩm gió mùa và hệ thống Phồn Giang và Nông Giang chảy trực tiếp qua địa phận của làng cung cấp nước tưới tiêu đồng thời là tuyến giao thông đường thuỷ quan trọng...

Điều kiện tự nhiên nhìn chung thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của người dân địa phương. Yếu tố này đã tạo dựng cho Cổ Bôn thành vùng nông nghiệp trồng lúa với xóm làng trù phú. Nối tiếp trang sử vàng truyền thống của cha ông, người dân Cổ Bôn hiện nay đang tập trung phát huy thế mạnh của điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm xây dựng quê hương Cổ Bôn ngày càng giàu mạnh, văn minh.

2.2. Quá trình thay đổi địa giới hành chính và sự hình thành làng Cổ Bôn

2.2.1. Quá trình thay đổi địa giới hành chính

Cổ Bôn là vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển hàng ngàn năm. Nơi đây là một trong những vùng văn hoá đặc sắc và có mối quan hệ gắn bó mật thiết với huyện Đông Sơn và xứ Thanh. Đến giữa thế kỉ XIX, làng Cổ Bôn gồm 4 làng: Phúc Triền, Ngọc Tích, Quỳnh Bôi, Kim Bôi.

Theo sách *Đồng Khánh dư địa chí*, đến cuối thế kỉ XIX, làng Cổ Bôn có các làng Quỳnh Bôi, Phúc Thọ, Ngọc Tích, Ngọc Bôi thuộc tổng Thanh Khê, huyện Đông Sơn.

Hiện nay, làng Cổ Bôn chính là xã Đông Thanh với 8 thôn; Phúc Triền 1, Phúc Triền 2, Quỳnh Bôi 1, Quỳnh Bôi 2, Kim Bôi, Ngọc Tích, xóm Càn và làng Trại.

2.2.2. Sự hình thành làng Cổ Bôn

Trên cơ sở phân tích nguồn tư liệu, tên gọi *Kê Bôn* sau đổi thành *Cổ Bôn*; so sánh bối cảnh chung của quá trình hình thành làng xã vùng châu thổ sông Mã kết hợp các bằng chứng khảo cổ về sự có mặt của người

Việt cổ trên vùng đất Đông Sơn và xứ Thanh, tác giả luận án bước đầu nhận định: *Từ thời kì văn hoá Đông Sơn cách ngày nay gần 3000 năm, làng Cổ Bôn đã có sự sinh sống của người Việt cổ, tạo lập những tụ điểm dân cư cho sự ra đời của làng xã.* Trải qua thăng trầm của lịch sử, làng Cổ Bôn đã có nhiều đổi thay. Hiện nay làng Cổ Bôn chính là xã Đông Thanh. Đây là một trong số các trung tâm kinh tế - văn hoá quan trọng của vùng đất Đông Sơn.

2.2.3. Nguồn gốc dân cư

Trong quá trình phát triển làng xã, vùng đất Cổ Bôn đã có sự di chuyển, du nhập, cộng cư của nhiều dòng họ khác nhau. Các dòng họ đến địa phương lập nghiệp ở nhiều thời điểm khác nhau. Trong đó có các dòng họ tiêu biểu như họ Lê, họ Nguyễn, họ Cao, họ Lưu, họ Thiệu, họ Trần, họ Phạm, họ La... Tuy nhiên, các dòng họ ở Cổ Bôn, dù lớn hay nhỏ, dù đến trước hay sau đều đã góp phần xứng đáng vào việc phát triển làng xã vùng đất Cổ Bôn, bồi đắp cho địa phương trở thành một trong những làng quê văn hiến nổi tiếng của đồng bằng sông Mã.

2.3. Truyền thống lịch sử - văn hóa

2.3.1. Trong lao động sản xuất

Cộng đồng cư dân Cổ Bôn trong quá trình phát triển hàng ngàn năm luôn được biết đến với đức tính cần cù, chịu thương, chịu khó và sáng tạo trong lao động sản xuất. Cư dân Cổ Bôn đã chung tay nỗ lực cải tạo tự nhiên, ổn định đời sống và gắn kết tinh thần làng xã. Trải qua biến thiên và thăng trầm của lịch sử, truyền thống lao động cần cù, sáng tạo đã trở thành dấu ấn đặc trưng, được truyền qua nhiều thế hệ và phát huy trong giai đoạn hiện nay để thực hiện sự nghiệp đổi mới, xây dựng quê hương Cổ Bôn và tỉnh Thanh Hóa giàu mạnh.

2.3.2. Trong chiến đấu, chống giặc ngoại xâm

Bên cạnh truyền thống trong lao động sản xuất, cộng đồng các thế hệ cư dân Cổ Bôn còn hun đúc nên truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm, góp phần làm vẻ vang cho vùng đất Đông Sơn và xứ Thanh. Những tư liệu lịch sử còn sót lại chính là những bằng chứng xác thực cho thấy ngay từ buổi đầu hình thành cũng như trong quá trình xây dựng làng xã, biết bao thế hệ người dân Cổ Bôn đã đoàn kết đấu tranh không ngừng nghỉ góp phần xứng đáng vào những chiến công hiển hách của dân tộc. Tiêu biểu là cách mạng tháng Tám năm 1945; cuộc kháng chiến chống Pháp với chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) lừng lẫy năm châu; cuộc kháng chiến chống Mỹ với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Bắc – Nam sum họp một nhà cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.3.3. Trong giáo dục - khoa cử

Vùng đất Cổ Bôn là một trong số ít những địa phương ở xứ Thanh và trên cả nước nổi danh với truyền thống hiếu học, khoa bảng. Các làng xã Cổ Bôn với truyền thống học hành đỗ đạt cao đã góp phần tạo nên “*Đất học*” Đông Sơn với những “*trung tâm giáo dục và có truyền thống học hành vào bậc nhất nhì xứ Thanh*”. Trong thời kì quân chủ, làng Cổ Bôn có đến 8 vị đỗ Đại khoa được ghi danh ở Văn miếu Quốc Tử Giám. Tính từ năm 1690 đến năm 1783, toàn huyện Đông Sơn có 120 người thi đỗ Hương cống thì làng Cổ Bôn có đến 24 người. Trong thời gian từ năm 1807 đến năm 1918, toàn huyện Đông Sơn có 25 người thi đỗ Cử nhân thì làng Cổ Bôn có 7 người.

Nổi tiếp truyền thống học hành, khoa bảng của cha ông, ở Cổ Bôn hiện nay có nhiều người thông minh, học giỏi, có học vị cao và đóng góp cho sự phát triển của quê hương, đất nước.

Cư dân Cổ Bôn trong quá trình tụ cư và phát triển làng xã còn luôn đề cao tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, coi trọng truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*” bất diệt của dân tộc.

Tiểu kết chương 2

Nằm ở vùng đồng bằng sông Mã, sông Chu, làng Cổ Bôn là một trong số ít những địa phương, vùng văn hoá đặc sắc của xứ Thanh. Vị trí địa lý đặc địa cùng hệ thống giao thông là các yếu tố thuận lợi cho vùng đất Cổ Bôn giao lưu, phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

Cổ Bôn là vùng đất có địa hình, sông ngòi, đất đai, khí hậu thuận tiện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái cùng sự đa dạng về dân cư đã tác động không nhỏ đến phương thức sản xuất, làm cho vùng đất Cổ Bôn từ rất sớm đã xuất hiện một nền nông nghiệp trồng lúa kết hợp chăn nuôi và trao đổi buôn bán với các địa phương lân cận. Tất cả đã để lại dấu ấn đậm nét qua các thành tựu kinh tế, những nét sinh hoạt văn hoá truyền thống đặc sắc của cộng đồng cư dân Cổ Bôn.

Làng Cổ Bôn ban đầu được gọi là Kê Bôn, sau này đổi thành Cổ Bôn rồi Bồ Lò Trang hoặc Trang Bôn. Nằm trong không gian văn hoá – văn minh Đông Sơn, vùng đất Cổ Bôn từ rất sớm đã trở thành điểm tụ cư của cư dân Việt cổ, tạo lập những tụ điểm dân cư đông đúc cho sự ra đời của làng xã. Mặc dù những dấu vết tụ cư của người Việt cổ chưa được phát hiện trên đất Cổ Bôn nhưng các nguồn tài liệu, tên gọi cũng như những chứng cứ phát hiện ở các vùng đất cận kề đã minh chứng cho quá trình tụ cư, sự hình thành làng xã vùng đất Cổ Bôn từ buổi đầu bình minh của lịch sử dân tộc.

Đặc điểm mang đậm nét chung của quá trình hình thành làng Cổ Bôn trong tổng thể các làng xã khác trong khu vực và trên cả nước là quá trình tụ cư của nhiều dòng họ. Tiêu biểu là họ Nguyễn, họ Lê, họ Cao, họ Thiệu, họ Lưu, họ Trần, họ Hà, họ Phạm... Trong đó, lịch sử hình thành và phát triển làng xã là một quá trình lâu dài và đầy gian khó. Tuy nhiên, yếu tố đa dân cư, đa dòng họ đã tạo dựng cho cư dân vùng đất Cổ Bôn tính cố kết cộng đồng, sự giao lưu hòa nhập để cùng nhau hun đúc cho địa phương bề dày truyền thống lịch sử - văn hoá đặc sắc.

Người dân Cổ Bôn cần cù, chịu thương, chịu khó trong lao động sản xuất; kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và luôn có ý thức giữ gìn phát huy truyền thống văn hóa vốn có của quê hương. Quá trình phát triển hàng ngàn năm đã tạo dựng cho Cổ Bôn dáng dấp của làng Việt truyền thống, mang mẫu số văn hóa chung của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước nhưng vẫn có đặc trưng riêng biệt. Đó là dáng dấp của “*Kê Bôn*” - vùng đất khoa bảng nức tiếng xứ Thanh. Truyền thống lịch sử - văn hoá đó là niềm tự hào cũng chính là cội nguồn sức mạnh to lớn để thế hệ trẻ Cổ Bôn tiếp tục phát huy trong thời kỳ mới; góp sức xây dựng quê hương Cổ Bôn xưa – Đông Thanh ngày nay càng giàu mạnh, nước Việt Nam “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”.

Chương 3.

KINH TẾ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI LÀNG CỔ BÔN

3.1. Tình hình ruộng đất và kinh tế

Trong quá trình phát triển hàng ngàn năm, ngay từ thời các vua Hùng dựng nước cho đến nửa đầu thế kỉ XIX, tình hình ruộng đất và hoạt động kinh tế của xứ Thanh nói chung và huyện Đông Sơn, vùng đất Cổ Bôn nói riêng mặc dù “*phản ánh sắc thái kinh tế - văn hoá riêng của vùng châu thổ sông Mã - địa bàn của khu vực miền Trung*” nhưng vẫn mang đặc điểm chung của tình hình ruộng đất và kinh tế trên cả nước. Trong đó, nông nghiệp là nền tảng kinh tế, là cơ sở để xây dựng và phát triển làng xã. Tình hình ruộng đất phản ánh đặc điểm chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước đồng thời phản ánh những đặc trưng của vùng đất Cổ Bôn.

3.1.1. Tình hình ruộng đất

Tình hình ruộng đất ở làng Cổ Bôn nửa đầu thế kỉ XIX được phản ánh thông qua các đơn vị địa bạ Minh Mệnh 11 (1830). Ruộng đất của vùng đất Cổ Bôn giai đoạn này đa dạng về hình thức sở hữu và sử dụng ruộng đất. Tình hình sở hữu ruộng đất diễn biến theo xu hướng: *Ruộng đất tư ngày càng phổ biến và chiếm ưu thế. Ruộng đất công số lượng không đáng kể, có xu hướng thu hẹp.*

Diện tích ruộng công ở Cổ Bôn năm 1830 là 62.4.01.3, chiếm 4.67% tổng diện tích ruộng công, ruộng tư. 100% ruộng công đều thuộc loại ruộng thực trung hạng 3. Diện tích tư điền là 1267.5.04.7, chiếm 95.33% diện tích ruộng công, ruộng tư. Ruộng tư bao gồm ruộng thực trung (855.9.04.9), ruộng lưu hoang (148.7.07.6) và được phân chia ở các xứ đồng. Tình hình sở hữu ruộng tư còn nhỏ lẻ, chủ yếu quy mô từ 1 đến dưới 3 mẫu. Sở hữu ruộng đất lớn thuộc về các chức sắc hoặc ruộng Tam bảo.

Bên cạnh đó còn nhiều hình thức sở hữu ruộng đất khác tại Cổ Bôn như đất đền thờ, chùa chiền, đất tha ma mộ địa, đất gò hoang nhàn và đất chợ (diện tích 245.1.02.3; chiếm 14% tổng diện tích đất đai toàn địa phương).

3.1.2. Sản xuất nông nghiệp

Điều kiện tự nhiên của vùng đất Cổ Bôn thuận lợi cho sự phát triển các loại hình kinh tế, trong đó, đặc trưng hoạt động kinh tế của Cổ Bôn là nông nghiệp trồng lúa nước với hai vụ chính: vụ hạ (vụ chiêm) và vụ thu (vụ mùa). Tỷ lệ gieo cấy vụ thu là chủ yếu. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình. Trong quá trình lao động sáng tạo, cư dân Cổ Bôn đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm và đúc kết thành các câu ca dao, tục ngữ...

Về giống lúa, vụ chiêm thường cấy giống Tép, Ri. Vụ mùa thường cấy các giống lúa Tám xoan. Ngoài ra còn có lúa dẻ sớm, dẻ dèn, dẻ sùng, dẻ muộn, lúa ba trắng... Về lúa nếp có nếp hương, nếp hoa vàng, nếp lùn, nếp cẩm. Trong đó ngon nhất là nếp cái, nếp hoa vàng. Bên cạnh trồng lúa, người dân địa phương còn trồng các loại hoa màu khác như: khoai lang trắng, lang tím; giống ngô tẻ, ngô nếp; các loại đỗ đen, lạc, vừng...

Do kĩ thuật canh tác cũng như tác động của yếu tố thời tiết nên năng suất trồng lúa chưa cao. Vì vậy, người dân Cổ Bôn còn tiến hành một số hoạt động kinh tế phụ trợ như làm vườn, chăn nuôi hay làm hàng xáo, chạy chợ...

Làm vườn, chăn nuôi ở Cổ Bôn không trở thành một nghề riêng, có trang trại quy mô lớn hay những khu đất rộng mà chỉ là nghề phụ, hỗ trợ cho nghề nông trồng lúa và mang tính chất hộ gia đình. Làm vườn và chăn nuôi tại gia đã làm cho các hộ gia đình ở Cổ Bôn trở thành một “*cái chợ thu nhỏ*” mà ở đó có đầy đủ các loại nhu yếu phẩm từ rau, thịt, cá, trứng...; góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống và môi trường sống của người dân.

Người dân Cổ Bôn với đức tính cần cù, chịu khó đã biết “*dĩ nghệ thế điền*”, làm các nghề thủ công để có thêm thu nhập bù đắp vào sự thiếu hụt của kinh tế nông nghiệp như nghề mộc, mây tre, đan lát, làm bún,

chế biến nông sản, nghề rèn, chạy chợ... Tuy nhiên, trong kết cấu kinh tế làng xã, thủ công nghiệp chỉ mang tính chất nghề phụ, có tác dụng bổ trợ cho kinh tế nông nghiệp.

3.1.3. Hoạt động buôn bán

Vùng đất Cổ Bôn vị trí địa lí, hệ thống giao thông thuận lợi cho trao đổi, buôn bán. Người dân địa phương đã đẩy mạnh giao thương với làng xã lân cận thông qua hệ thống chợ làng, chợ huyện. Căn cứ vào các đơn vị địa bạ Minh Mệnh 11 (1830) được biết ở nửa đầu thế kỉ XIX, các làng ở Cổ Bôn đều có một khu đất dành riêng cho việc họp chợ. Xã Phúc Thọ có chợ Chùa nằm gần chùa, ở giữa làng. Làng Quỳnh Bôi có chợ nằm gần chùa ở rìa làng. Trong đó điển hình là chợ của làng Ngọc Đồi và Ngọc Bôi - chợ Bôn.

Từ phạm vi chợ làng, chợ Bôn đã dần phát triển thành chợ lớn của nhiều làng và là một trong số các trung tâm mua bán của huyện Đông Sơn. Vào các ngày chợ phiên, làng Cổ Bôn có dáng dấp như một thị trấn sầm uất. Nơi đây còn là điểm hội tụ và bảo lưu nhiều giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Đặc biệt nhu cầu sản xuất trao đổi buôn bán cùng sự phát triển của hệ thống chợ trong đó nổi bật là chợ Bôn đã tạo cho người dân địa phương tính hướng ngoại và chính sách "*hướng ngoại*" là một nét đặc sắc trong cấu trúc làng Cổ Bôn.

3.2. Tổ chức chính trị - xã hội

Nằm ở vùng đồng bằng Thanh Hoá, trải qua quá trình phát triển lâu dài, vùng đất Cổ Bôn có tổ chức chính trị - xã hội mang đặc điểm của tổ chức chính trị - xã hội làng xã truyền thống ở xứ Thanh và trên cả nước. Theo đó tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương cũng là mô hình "*quyền lực kép*" bao gồm tổ chức phi quan phương và quan phương cùng ràng buộc, quản lí làng xã.

3.2.1. Tổ chức phi quan phương

Ở vùng đất Cổ Bôn từng tồn tại Hội đồng kỳ mục (hay còn được gọi là hào mục, chức sắc) chính là biên thể của Hội đồng già làng ở các công xã nông thôn trước đây. Đi sâu tìm hiểu thì thành viên trong Hội đồng kỳ mục của vùng đất Cổ Bôn bao gồm những người già có uy tín, có chức tước, phẩm hàm trong chốn quan trường nhưng đã về hưu, có học vấn, có tiền (hào trưởng, địa chủ)... Đứng đầu Hội đồng kỳ mục là Tiên chỉ (Viên mục). Dưới Tiên chỉ có Thứ chỉ để giúp việc cho Tiên chỉ hoặc thay thế Tiên chỉ nếu Tiên chỉ đi vắng. Nhiệm vụ của Hội đồng kỳ mục là phối hợp với Lý trưởng và Phó lý điều hành cũng như giải quyết việc làng, thực thi các nhiệm vụ của nhà nước hoặc đề ra các chủ trương và biện pháp cốt sao để làm tròn việc làng, việc nước.

3.2.2. Tổ chức quan phương

Từ các đơn vị địa bạ Minh Mệnh 11 (1830) kết hợp so sánh với các làng xã ở Thanh Hóa cho thấy tổ chức quan phương của vùng đất Cổ Bôn ở nửa đầu thế kỉ XIX bao gồm Lý trưởng, Phó Lý và bộ phận giúp việc. Làng Phúc Thọ có phó Lý trưởng là Thiều Hữu Quang; làng Ngọc Đồi và Ngọc Bôi có Lý trưởng là Cao Hữu Tạo, Lê Khắc Thiệu; làng Quỳnh Bôi có Lý trưởng Lê Xuân Giáp.

Giúp việc cho lý trưởng là Hương mục, Trùm trưởng. Địa bạ làng Phúc Thọ cho biết Hương mục của làng là *Nguyễn Hữu Văn, Nguyễn Thọ Văn*; Trùm trưởng *Thiều Sĩ Tiệp*. Làng Ngọc Đồi và Ngọc Bôi có Hương mục *Cao Sĩ Triệu, Lê Trạc*; Trùm trưởng *La Đức Mậu, Nguyễn Bình*. Làng Quỳnh Bôi có Hương mục *Đàm Hữu Hằng, Lê Trọng Cầu* và Trùm trưởng *Lê Văn Án, Trịnh Văn Tường*.

Nhìn chung, tổ chức quan phương dưới các triều đại quân chủ Việt Nam được xem như một mô hình tương đối thống nhất được áp dụng rộng rãi trên quy mô cả nước. Tổ chức quan phương ở các làng xã vùng đất Cổ Bôn cũng tương tự mô hình đó. Tiếng là cơ quan chính quyền ở cấp cơ sở nhưng bộ máy Lý dịch không được toàn quyền hành động mà luôn chịu sự chi phối của các thế lực Hào mục, Hương lão, Quan viên nên trong các quyết định thường thấy có sự thoả thuận, tương nhượng giữa tổ chức quan phương và phi quan phương. Đó là một trong những đặc trưng nổi trội của bộ máy quản lí làng xã ở Việt Nam mà Cổ Bôn là một thí dụ sinh động.

3.3. Kết cấu dân cư, các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư

3.3.1. Kết cấu dân cư

Kết cấu dân cư vùng đất Cổ Bôn mang đặc điểm của làng Việt truyền thống, bao gồm “tứ dân” (sĩ, nông, công, thương). Tuy nhiên, sự phân chia thành phần dân cư chỉ mang tính chất tương đối. Bên cạnh phân chia dân cư theo tứ dân thì vùng đất Cổ Bôn còn có một tuyến phân hạng khác là dựa vào vị trí chính trị, thứ bậc xã hội và tuổi tác để xác định ngôi thứ trong làng. Sự phân chia này thể hiện rõ nét nhất trong lễ hội làng Phúc Triền. Thứ hạng được phân định rõ qua hệ thống chiếu ngôi, vai vế khi tế lễ... trong tiến hành lễ hội tại địa phương.

3.3.2. Các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư

* *Ngõ, xóm*

Ở vùng đất Cổ Bôn, ngõ và xóm có mối liên hệ mật thiết. Các ngõ, xóm được bố trí theo hình xương cá dọc hai bờ Phồn Giang. Đứng đầu mỗi xóm là Quán chiếu. Trong quan hệ ngõ, xóm, người dân Cổ Bôn chú trọng đến tình làng, nghĩa xóm. Đồng thời, ngõ và xóm sống thân mật với nhau trên tinh thần hòa đồng tương trợ và đoàn kết chính là sức mạnh căn bản của dân tộc Việt góp phần chiến thắng quân ngoại xâm, xây dựng và phát triển địa phương, dân tộc.

* *Giáp*

Giáp ở vùng đất Cổ Bôn là một hình thức tổ chức dành riêng cho nam giới trong làng. Đứng đầu mỗi giáp là Trưởng giáp hay còn gọi là Tri giáp, ngoài ra còn có Câu đương chịu trách nhiệm việc ghi chép những việc thu chi trong giáp. Về nghĩa vụ, trước hết các thành viên trong giáp có nghĩa vụ đóng góp tiền gạo cho giáp, rồi nữa là phục vụ trong những dịp lễ tiết, hội hè. Nhiều nhà nghiên cứu đánh giá rất cao vai trò và hoạt động của tổ chức giáp, xem đó như là biểu hiện rõ nét nhất của nền dân chủ làng mạc, vì giáp là thiết chế tự quản tham gia khá nhiều vào công việc chung của làng xã.

* *Hội Tư vấn*

Nhiệm vụ chủ yếu của Hội Tư vấn ở làng Cổ Bôn là khuyến khích việc học tập của cộng đồng dân cư làng xã. Sự ra đời của mỗi Văn chỉ ở Tứ xã Bôn gắn liền với vai trò và hoạt động của Hội Tư vấn đã phản ánh vai trò của tầng lớp trí thức trong làng xã Việt Nam truyền thống, góp phần bồi đắp nên truyền thống khoa bảng cho vùng đất Cổ Bôn.

* *Gia đình, dòng họ*

Quá trình hình thành làng xã vùng đất Cổ Bôn gắn liền với sự hình thành và phát triển của nhiều gia đình, dòng họ... Quá trình tụ cư của các dòng họ đã làm cho cư dân Cổ Bôn thêm đông đúc, góp phần phát triển xóm làng và tạo dựng nên bề dày truyền thống lịch sử - văn hoá cho vùng đất Cổ Bôn.

Tiểu kết chương 3

Vùng đất Cổ Bôn có vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, hệ thống giao thông thuận lợi. Cùng với đó, cư dân Cổ Bôn cần cù, chịu thương, chịu khó, sáng tạo trong lao động sản xuất... Đây là những điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển. Vì vậy, từ trong quá khứ cho đến hiện tại, vùng đất Cổ Bôn là một “điểm sáng kinh tế” của huyện Đông Sơn.

Tình hình sở hữu ruộng đất ở Cổ Bôn ở nửa đầu thế kỉ XIX mang đặc điểm chung của tình hình sở hữu ruộng đất ở huyện Đông Sơn với đa dạng các hình thức sở hữu ruộng đất. Trong đó sở hữu công điền chiếm số lượng nhỏ với diện tích 62.4.01.3 (chiếm 4.67%) và có xu hướng thu hẹp. Tư điền ngày càng phát triển mạnh và có diện tích lớn trong tổng thể ruộng công, ruộng tư của vùng đất Cổ Bôn (diện tích 1267.5.04.7, chiếm đến 95.33% diện tích ruộng đất công tư). Tư điền được phân chia ở các xứ đồng và thuộc quyền sở hữu của các hộ gia đình. Tuy nhiên, tư hữu ruộng đất còn manh mún, không có tư hữu lớn về ruộng đất. Các thửa

ruộng quy mô trên 5 mẫu chủ yếu thuộc về một số chức sắc trong làng hoặc ruộng Tam bảo.

Lịch sử phát triển của vùng đất Cổ Bôn ngay từ buổi sơ khai đến giữa thế kỉ XIX đã gắn liền với nghề nông trồng lúa. Hành trình xây dựng và phát triển làng xã tại địa phương cũng chính là quá trình đấu tranh để phát triển sản xuất nông nghiệp. Các thế hệ cư dân đến mở đất Cổ Bôn đã lấy cây lúa nước làm loại cây trồng chính để khai phá đất đai, mở mang diện tích gieo trồng, biến các vùng đất hoang vu thành những các đồng trù phú. Vì vậy, từ rất sớm, kinh tế nông nghiệp đã có ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng cư dân vùng đất Cổ Bôn, tạo cơ sở cho thủ công việc và hoạt động buôn bán phát triển. Tuy nhiên, thủ công nghiệp ở Cổ Bôn mang tính chất nghề phụ, hỗ trợ cho kinh tế nông nghiệp. Chợ Chùa, chợ làng Quỳnh Bôi trong đó đặc biệt là chợ Bôn ra đời và có vai trò quan trọng trong giao thương hàng hoá của vùng đất Cổ Bôn với các địa phương lân cận. Có thể khẳng định, sự phát triển của kinh tế chính là động lực quan trọng cho sự ổn định của cộng đồng cư dân Cổ Bôn trong lịch sử. Đây là tiền đề cho sự giao lưu, sáng tạo văn hóa để bồi đắp cho Cổ Bôn trở thành vùng văn hoá đặc sắc của huyện Đông Sơn và xứ Thanh.

Ở nửa đầu thế kỉ XIX, tổ chức chính trị - xã hội của vùng đất Cổ Bôn bao gồm tổ chức phi quan phương và quan phương cùng các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư như ngõ, xóm, giáp, gia đình, dòng họ, hội Tư văn... Tình hình xã hội ở làng Cổ Bôn giai đoạn này nhìn chung mang đặc điểm của tình hình xã hội ở các làng quê khác của đồng bằng sông Mã và trên cả nước.

Nhìn chung, sự phát triển của kinh tế, sự ổn định về xã hội chính là nền tảng quan trọng để cộng đồng cư dân Cổ Bôn sáng tạo và phát triển văn hoá. Đây là một trong số những căn nguyên lí giải tại sao vùng đất Cổ Bôn trở thành địa bàn có chiều sâu văn hoá của huyện Đông Sơn và xứ Thanh trong lịch sử cũng như hiện tại.

Chương 4.

VĂN HÓA VÀ THÀNH TỰU KHOA CỬ LÀNG CỔ BÔN

4.1. Di sản văn hóa vật thể

4.1.1. Đình làng và đền thờ

* Đình làng Ngọc Tích

Các hiện vật và lối kiến trúc, điêu khắc còn sót lại đã minh chứng cho đình làng Ngọc Tích là di sản có giá trị lịch sử và nghệ thuật đặc sắc. Với niên đại lâu đời và lưu giữ được những nét cổ của nghệ thuật điêu khắc đá thế kỷ XVII. Tiêu biểu là hình tượng “*Lưỡng long châu nguyệt*”, trên các riềm bia chạm mô típ “*tùng, cúc, trúc, mai*”. Ngoài ra những họa tiết hoa văn trên các bia đá cũng được rất nhiều giới nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Đó là những đặc điểm tạo nên nét đẹp riêng biệt không thể trộn lẫn, mang đậm phong vị xứ Thanh cho đình làng Ngọc Tích; góp phần làm cho hệ thống di sản văn hoá vật thể trên vùng đất Cổ Bôn thêm đậm đặc, phong phú và giàu giá trị.

* Đền Đế Thích

Đền Đế Thích còn gọi là Đền Cả, tọa lạc ở vị trí trung tâm của làng Cổ Bôn, ngay cạnh chợ Bôn. Bên cạnh đền là một cây cầu nhỏ bắc qua dòng Phồn Giang. Đặc điểm này đã tạo nên khung cảnh vừa trang nghiêm, linh thiêng vừa hữu tình cho di tích.

Hàng năm, đền Đế Thích có nhiều ngày lễ trọng. Hiện nay nhân dân địa phương lấy hai ngày 12/2 và ngày 18/8 làm ngày hội của Đền Đế Thích. Lễ hội đã thu hút sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương và du khách thập phương.

* Đền thờ Nguyễn Văn Nghi

Nét nổi bật trong kiến trúc đền thờ Nguyễn Văn Nghi là sự kết hợp giữa kiến trúc tín ngưỡng đền thờ với kiến trúc thành lũy quân sự ở thế kỉ XVII. Công trình được bố trí theo kiểu “*Nội công ngoại quốc*”, gồm 2 vòng thành khép kín. Trong đó, lối kiến trúc thành lũy quân sự bao gồm: Thành ngoại, Thành nội, Cổng thành nội. Lối kiến trúc tôn giáo – tín ngưỡng bao gồm: Nhà chính tẩm; Nhóm tượng châu được bố trí dọc theo hai bên lối đi; mỗi loại có từ 2 đến 4 cá thể khác nhau, đặt đối xứng qua linh đạo. Bao gồm: 2 đôi tượng ngao, cặp tượng voi, hai tượng ngựa có đủ yên cương, hai tượng người châu, trang phục võ quan, tay cầm chùy đặt chéo thân người, giềng đá và văn bia “*Phúc Khê tướng công từ*”, văn bia “*Thượng Thu lệnh công ký*” và văn bia ghi sự kiện tu bổ công trình đền thờ Phúc Khê tướng công Nguyễn Văn Nghi vào năm 1631. Sự uy nghi của khu sinh từ với sân châu đông đúc các tượng người và linh thú bên ngoài đã tạo nên một không gian thiêng, phản ánh trí tuệ, thanh thế sự nghiệp của Phúc Khê Tướng công Nguyễn Văn Nghi đối với lịch sử địa phương, dân tộc.

* Đền Bạch Vân Sơn Thần

Đền thờ Bạch Vân Sơn Thần thuộc địa phận làng Quỳnh Bôi. Đây là cụm di tích lịch sử văn hóa và nghệ thuật kiến trúc đặc sắc của vùng đất Cổ Bôn thờ Hắc Bạch Đại Vương. Nét chạm khắc mềm mại, tinh xảo, thể hiện bàn tay tài hoa của những người thợ mộc xứ Thanh, mang đậm phong cách nghệ thuật điêu khắc gỗ thế kỷ XVII. Mặc dù không quá đồ sộ về quy mô kiến trúc nhưng đền Bạch Vân Sơn thần là cụm di tích lịch sử đặc biệt, thể hiện đời sống tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng cư dân Cổ Bôn và có giá trị về mặt lịch sử và nghệ thuật kiến trúc.

* Đền thờ Nguyễn Khải

Đền thờ Nguyễn Khải là di tích lịch sử - văn hóa thời Lê. Đây là công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị lịch sử - văn hoá. Các hiện vật còn hiện hữu tại di tích là những bằng chứng về một nhân vật lịch sử có công

lao lớn đối với dân tộc, đồng thời nói lên truyền thống “uống nước nhớ nguồn” bất diệt của dân tộc. Đây là một nét đẹp văn hoá cần được giữ gìn và phát huy giá trị trong giai đoạn hiện nay.

4.1.2. Nhà thờ

* Nhà thờ các Quận công họ La

Nhà thờ họ La tọa lạc ở vị trí trung tâm của làng Ngọc Tích gồm Tiền Đường 3 gian và chính tâm 1 gian 2 chái. Kiến trúc của nhà thờ họ La vẫn giữ được một số thành phần kết cấu theo phong cách kiến trúc truyền thống của người Việt và nhiều hiện vật có giá trị về mặt lịch sử. Tiêu biểu là bức Đại tự “*Thánh cung vạn tuế*” sơn son thếp vàng. Một sập hương án cấu trúc 3 tầng với bố cục đăng đối, hài hòa, kỹ thuật chạm khắc tinh xảo. Hai ngai thờ, hai kiếm thờ, một bộ bát biểu, một bảng văn, 2 bộ đựng sách, 3 mâm quả, ba bát hương, hai lục bình gốm...

Hàng năm cứ vào ngày Đông chí tháng 11 âm lịch thì con cháu dòng họ La từ khắp nơi lại tề tựu về nhà thờ để làm lễ giỗ họ nhằm tưởng nhớ nguồn gốc và ôn lại truyền thống của cha ông. Mặc dù không phải là dòng họ có nguồn gốc ở Cổ Bôn nhưng họ La đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng Cổ Bôn thành vùng đất học xứ Thanh và có nhiều đóng góp trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc.

* Nhà thờ dòng tộc họ Nguyễn

Nhà thờ dòng tộc họ Nguyễn là một ngôi nhà gỗ được xây dựng từ thế kỷ XVII. Cấu trúc đền thờ gồm Tiền đường và Hậu cung. Nhìn chung, kết cấu đền thờ Tương công Nguyễn Trừng hài hòa, giản dị.

Hiện nay tại nhà thờ còn lưu giữ được nhiều hiện vật quý giá trị. Các hiện vật trong di tích có niên đại khác nhau nhưng nhìn chung đều có giá trị nghiên cứu trên nhiều phương diện. Đây là những cứ liệu có giá trị cho việc nghiên cứu lịch sử - văn hóa vùng đất Cổ Bôn. Kiến trúc tuy không lớn song kết cấu hài hòa, giản dị theo kiến trúc truyền thống dân gian thế kỷ XVII – XVIII đặc biệt có giá trị lịch sử - văn hoá, cần được nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị.

* Nhà thờ Thọ Như Hầu Nguyễn Chí Hòa

Nhà thờ Thọ Như Hầu Nguyễn Chí Hòa thuộc địa phận thôn Phúc Triền. Nhà Hậu cung gồm ba gian 4 vì. Hai vì giữa chôn cột cái trước, hai vì bên có 6 cột, bờ vên xây tường ba mặt. Ngoài tám bia lớn niên hiệu Minh Mệnh đã ghi cụ thể ở từ đường. Trong đền thờ còn có long ngai, thần vị Thọ Như Hầu Nguyễn Chí Hòa. Phía trên còn có Long Ngai phụ thân là Lê Triều Thiêm sự điền sử Quỳnh Ngọc Nguyễn Quý Công và các đồ thờ khác như đài lớn, đài nhỏ, kiếm thờ, bình hương...

* Nhà thờ và bia ký Tiến sĩ Cao Cử

Nhà thờ Cao Cử được xây dựng theo kiểu chuôi vồ gồm tiền đường và hậu cung dựng trên khu đất rộng, thoáng dăng. Hiện nay nhà thờ còn lưu giữ nhiều đồ thờ có giá trị. Tiêu biểu là các bức đại tự, hoành phi câu đối ca ngợi về khoa danh lừng lẫy của dòng họ Cao. Trong nhiều bức hoành phi, câu đối còn ghi lại tấm lòng nhân nghĩa của các nhân vật trong dòng họ lúc sinh thời cùng nhiều hương án, khám thờ, đỉnh hương, mâm bồng, nậm rượu, bát, đĩa, chén... có giá trị về mặt lịch sử - văn hoá.

* Nhà thờ bia ký hai vị Tiến sĩ họ Lê Khả

Nhà thờ hai vị Tiến sĩ họ Lê Khả được lập dựng với kiến trúc truyền thống của người Việt, được chống đỡ bởi hệ thống cột gỗ (cột cái, cột quân) chắc chắn và tô điểm bởi những bức chạm hoa văn cầu kỳ, tinh xảo. Trong khuôn viên của “*Tiến Sĩ Đường*” còn lưu giữ được nhiều hiện vật như câu đối; bốn con nghê gỗ chạm trổ tinh xảo; kiếm gỗ thờ; long ngai... Đặc biệt là hai đạo sắc phong cho Lê Khả Vĩ và Lê Khả Thân đều là những tư liệu lịch sử quý giá - căn cứ để hậu thế hiểu hơn về một vùng đất nổi tiếng văn vật của xứ Thanh, góp phần làm sáng tỏ truyền thống hiếu học – khoa bảng cũng như bề dày lịch sử của vùng đất Cổ Bôn.

* Nhà thờ Lưu Ngạn Quang

Nhà thờ Lưu Ngân Quang được xây dựng khi ông qua đời; nằm ở trung tâm của làng Kim Bôi. Do biến thiên lịch sử, di tích gốc không còn mà chỉ là công trình được phục hồi vào thời Nguyễn với quy mô khá hạn chế. Nhà thờ hiện nay gồm 5 gian mặt quay hướng Nam. Cấu trúc vì kèo theo kiểu nhà ở truyền thống của người Việt. Có thể khẳng định, nhà thờ Lưu Ngân Quang góp phần tô đẹp thêm nét đẹp bình dị cho làng quê Việt, đồng thời tô thắm thêm truyền thống hiếu học của cha ông, cùng sánh vai với các nhân vật ở vùng khác, cùng vươn lên và phát triển không ngừng.

4.2. Di sản văn hóa phi vật thể

4.2.1. Lễ hội truyền thống

Lễ hội làng Ngọc Tích gắn liền với lễ rước bóng Đức Thánh Cả Đệ Thích ra gốc đa Bò Lò đánh cờ với Trương Ba ngày 12 tháng 2 hàng năm và nhiều hoạt động văn hóa tâm linh đặc sắc đã thu hút đông đảo bà con nhân dân, du khách thập phương tham gia.

Lễ hội làng Quỳnh Bôi diễn ra vào tháng 2 âm lịch, không chỉ thu hút bà con trong làng mà còn có đông đảo bà con trong xã, các làng lân cận tham gia.

Lễ hội làng Phúc Triền được tổ chức với quy mô liên làng: Phúc Triền, Quỳnh Bôi, Kim Bôi, Ngọc Tích của làng Cổ Bôn vào ngày 20 tháng Giêng âm lịch tại áng tể. Lễ hội gồm 2 phần lễ và hội. Mỗi phần lại gồm nhiều bước khác nhau. Trong đó, phần lễ bao gồm lễ khai quang, rước kiệu, lễ tế và lễ tạ. Phần hội với các hoạt động chính, bao gồm đánh cờ và diễn trò... Trong đó nổi bật là Trò Bôn. Đây là hoạt động nghệ thuật đặc sắc của lễ hội làng Cổ Bôn, góp phần tạo nên không khí vui tươi, phấn khởi nhưng cũng không kém phần trang nghiêm cho lễ hội. Ân sâu trong mỗi trò diễn là những ngụ ý sâu xa của cộng đồng cư dân Cổ Bôn, gửi gắm tâm tư, nguyện vọng hay ca ngợi công lao của các vị Thành hoàng đã có công phù hộ dân làng được no ấm, mùa màng được tốt tươi.

Bên cạnh đó, vùng đất Cổ Bôn còn có một số nghi lễ khác thể hiện sự cổ vũ, động viên con em học hành để phát huy truyền thống khoa bảng quê hương như lễ Triều quan, Lễ khảo học trò hay hoạt động tâm linh mang đậm tính nhân văn, thể hiện tính cộng đồng làng xã sâu sắc như lễ Giỗ chung cả làng.

4.2.2. Trò diễn dân gian

Vùng đất Cổ Bôn là trung tâm diễn xướng dân gian ở châu thổ sông Mã, trong đó nổi bật nhất là hệ thống Ngũ trò Bôn. Bao gồm: Trò Tiên Cuội, trò Hà Lan, trò Ngô, trò Thủy Phụng và trò Lãng Ba Khúc. Trong đó, đặc trưng của trò Tiên Cuội và trò Lãng Ba Khúc làng Cổ Bôn thể hiện sự giao hoà giữa khách tiên và người trần. Trò Ngô Phụng và trò Hà Lan diễn lại việc người nước Tàu và nước Chiêm Thành tự xưng là chư hầu sang triều cống vua Nam. Trò Thủy Phụng là trò chèo thuyền ngày xuân của dân làng để cầu mong mưa thuận gió hoà, phong đăng hoà cốc và cũng lại để “*rước lấy tiến sĩ, quận công về làng*”.

Tuy phần nhiều nội dung các trò diễn là chuyện tiên, chuyện cuội, chuyện nước Tàu, nước Chiêm nhưng đã đi vào đời sống nông nghiệp của cộng đồng cư dân làng Cổ Bôn một cách rất tự nhiên, bình dị. Nhìn chung, các trò diễn vùng đất Cổ Bôn có quan hệ giao lưu với các trò có cùng tên trong lễ hội nghề Sâm và lễ hội làng Xuân Phả nhưng vẫn có những đặc trưng riêng, tạo nên bản sắc cho trò diễn dân gian vùng đất Cổ Bôn. Đó là tính văn bản hoá. Đồng thời, văn hóa bản địa tức văn hóa nông nghiệp và văn hóa Nho giáo đã hoà quyện vào nhau, tạo nên sức sống, giá trị cho hệ thống các trò diễn dân gian. Vì lẽ đó, hệ thống Ngũ Trò cần được bảo tồn, phát huy giá trị trong giai đoạn hiện nay để góp phần bảo lưu nét truyền thống, giá trị văn hoá đặc sắc của quê hương.

4.2.3. Ngữ văn dân gian

** Truyện kể dân gian*

Vùng đất Cổ Bôn còn hiện hữu hệ thống truyện kể dân gian phong phú đa dạng. Tiêu biểu như truyện

Trương Ba đánh cờ, truyện Ông đồ Bôn hay chữ, truyện về Lưu Ngạn Quang ba mươi tuổi mới đi học mà đỗ Hoàng giáp... Đất địa linh nhân kiệt, môi trường địa lí nhân văn là cơ sở để hình thành, phát triển và bảo lưu tại địa phương một kho tàng truyện kể dân gian phong phú, đa dạng. Đây là một trong những yếu tố đã góp phần không nhỏ làm phong phú thêm kho tàng truyện kể dân gian ở Thanh Hoá và trên cả nước.

** Phương ngôn, ngạn ngữ, tục ngữ*

Hệ thống phương ngôn, ngạn ngữ, tục ngữ, ca dao, dân ca tại vùng đất Cổ Bôn chủ yếu là những nhận thức, kinh nghiệm của cư dân địa phương về thiên nhiên, lịch sử, xã hội và con người được thẩm định, sàng tuyển qua thời gian. Đây là tấm gương phản chiếu về thiên nhiên và con người trực tiếp tại vùng đất Cổ Bôn theo khía cạnh tâm thức văn hoá dân gian. Các câu phương ngôn, ngạn ngữ, tục ngữ không chỉ đề cập đến tên làng, tên xóm, công việc đồng áng mà còn mang đậm dấu ấn của vùng đất Cổ Bôn trong quá trình hình thành và phát triển làng xã.

4.3. Các yếu tố tác động và thành tựu khoa cử

4.3.1. Các yếu tố tác động đến giáo dục và thành tựu khoa cử

Vùng đất Cổ Bôn đặc biệt nổi danh với truyền thống hiếu học, khoa bảng. Trong suốt hàng ngàn năm lịch sử, truyền thống hiếu học, khoa bảng đã sản sinh ra những vị Đại khoa, Trung khoa làm rạng rỡ truyền thống văn hóa quê hương. Những yếu tố góp phần hình thành nên truyền thống hiếu học vùng đất Cổ Bôn trước hết là chính sách của các triều đại phong kiến, yếu tố tự nhiên – xã hội. Đây chính là cơ sở vững chắc, nguồn động lực thúc đẩy cho Cổ Bôn trở thành “*đất học*” nổi tiếng của xứ Thanh. Sự phát triển kinh tế tại địa phương đã tạo điều kiện cho con em theo đuổi nghiên bút, học hành. Sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục của dòng họ, làng xã đã khích lệ, động viên rất lớn để các thế hệ người dân Cổ Bôn, thế hệ sau nối tiếp và phát huy thế hệ trước tích cực học tập làm rạng danh cho truyền thống khoa bảng làng xã. Đặc biệt, các bà mẹ, người vợ Cổ Bôn cũng đã góp phần không nhỏ bồi đắp nên bề dày thành tựu khoa bảng ở Cổ Bôn.

4.2.2. Thành tựu khoa cử

Theo sách *Địa chí Thanh Hoá* (tập 2), thời phong kiến, làng Cổ Bôn có 8 vị đỗ Đại khoa và được triều đình cho tạc tên trên bia đá ở Văn miếu Quốc Tử Giám. Đó là Lưu Ngạn Quang, nho thần Nguyễn Văn Nghi, Thiều Sĩ Lâm, Cao Cừ, Lê Khả Trù, Lê Khả Trinh, Lê Thế Thứ... Ngoài những người đỗ Đại khoa, làng Cổ Bôn còn có hơn 30 người đỗ Hương cống, Cử nhân. Sau khi đỗ đạt, các nhà khoa bảng vùng đất Cổ Bôn đã đem tài năng ra giúp nước, giúp đời được nhân dân nể phục, làng xã trọng vọng.

Phát huy truyền thống hiếu học - khoa cử của cha ông, các thế hệ con cháu vùng đất Cổ Bôn ngày nay đã và đang nỗ lực phấn đấu học tập, rèn luyện và công tác để xây dựng gia đình, dòng họ, quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh. Đây chính là nét đẹp văn hóa lâu bền, là dòng chảy lịch sử được các thế hệ rất mực gìn giữ. Đồng thời là nguồn động lực quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh.

Tiểu kết chương 4

Văn hóa truyền thống là tấm gương phản chiếu rõ nét lịch sử hình thành và phát triển làng xã qua từng thời kì lịch sử. Đối với vùng đất Cổ Bôn, nét văn hóa truyền thống trước hết được thể hiện ở hệ thống di sản văn hóa vật thể phong phú, đa dạng và giàu giá trị. Mặc dù những yếu tố làm nên diện mạo hệ thống văn hóa vật thể tại vùng đất Cổ Bôn đã không còn nguyên vẹn như ban đầu vốn có nhưng những dấu tích còn sót lại đã cơ bản lột tả được diện mạo văn hóa địa phương.

Vùng đất Cổ Bôn hiện còn hiện hữu nhiều di tích lịch sử - văn hóa như: đình làng Ngọc Tích, đền thờ Đế Thích, đền Nguyễn Văn Nghi, đền Bạch Vân sơn thần, đền Nguyễn Khải cùng nhiều nhà thờ như: nhà thờ dòng họ La, nhà thờ dòng tộc họ Nguyễn; nhà thờ Tiến sĩ Cao Cừ, nhà thờ Lưu Ngạn Quang, nhà thờ hai vị

Tiến sĩ họ Lê Khả... Các di sản đã phản ánh truyền thống văn hóa của địa phương trong dòng chảy lịch sử; góp phần tạo nên đặc trưng văn hoá, làm phong phú thêm truyền thống văn vật của vùng đất Cổ Bôn.

Chiều sâu văn hóa của vùng đất Cổ Bôn còn được thể hiện qua các lễ hội truyền thống, phong tục - tập quán, tôn giáo - tín ngưỡng, ngữ văn dân gian... Trong đó, đặc biệt là Ngũ Trò Bôn. Mỗi trò truyền tải những nội dung khác nhau nhưng nhìn chung đều mang tính lễ nghi, tính văn bản hoá và ước mong một cuộc sống hạnh phúc, yên bình, ấm no.

Bề dày lịch sử cũng như truyền thống cần cù, chịu khó đã tạo dựng cho Cổ Bôn trở thành đất hiếu học nổi tiếng của xứ Thanh. Trong thời phong kiến, làng có 8 người đỗ Đại khoa, trên 30 người đỗ Hương cống và Cử nhân. Các tên tuổi như Lưu Ngạn Quang, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Văn Lễ, Lê Khả Trù, Lê Khả Trinh, Cao Cử, Thiều Sỹ Lâm, Lê Thế Thứ... đã trở thành niềm tự hào to lớn của người dân địa phương Đông Thanh từ nhiều đời nay. Hiện nay, các thế hệ con cháu vùng đất Cổ Bôn đã và đang tiếp bước cha ông để đóng góp sức mình vào quá trình xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh và văn minh.

Nhìn chung, văn hoá và thành tựu khoa bảng của vùng đất Cổ Bôn là đặc sắc và giàu giá trị. Những nét văn hoá truyền thống này thể hiện tư duy sáng tạo, bàn tay khéo léo của con người Cổ Bôn trong quá trình ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội; trở thành môi trường văn hóa nuôi dưỡng, gìn giữ và trao truyền đời sống tinh thần của cộng đồng cư dân Cổ Bôn cho thế hệ sau. Các di sản đã phản ánh đặc trưng của làng “*văn*”, làng “*khoa bảng*” Cổ Bôn và là cơ sở để sáng tạo ra các giá trị văn hóa trong thời đại mới.

Tuy nhiên, trải qua thăng trầm của thời gian, tác động của quá trình biến đổi từ “*làng lên phố*”, hiện nay, văn hoá truyền thống làng Cổ Bôn đang có nguy cơ bị mai một, phá huỷ hoặc biến tướng. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế, quốc tế thì yêu cầu bảo lưu các nét văn hóa truyền thống để xây dựng một nền “*văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” là vấn đề cấp thiết, mang tính thời sự. Do vậy, cần có những chính sách thiết thực, giải pháp phù hợp để bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trên địa bàn xã Đông Thanh đạt hiệu quả một cách tối ưu.

KẾT LUẬN

1. Làng Cổ Bôn còn được gọi là Kê Bôn hay Bồ Lô Trang, Trang Bôn. Nằm trong địa vực lan tỏa của nền văn hóa - văn minh Đông Sơn, làng Cổ Bôn có vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và hệ thống giao thông thuận lợi cho quá trình sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng cư dân. Xung quanh vùng đất Cổ Bôn là những làng văn, làng võ, làng nghề, những trung tâm sinh hoạt văn hoá Phật giáo nổi tiếng. Yếu tố địa lý, tự nhiên kết hợp truyền thống con người Cổ Bôn đã tạo điều kiện cho người dân địa phương phát huy nội lực và tiếp thu văn hoá để xây dựng, phát triển làng xã, tạo dựng bản sắc riêng qua các thời kì lịch sử.

Dựa vào các nguồn tư liệu kết hợp kết quả khảo cổ học tại các di chỉ khảo cổ cận kề vùng đất Cổ Bôn, tác giả luận án bước đầu nhận định nơi đây là vùng đất cổ, nơi quần cư lâu đời của người Việt cổ từ thời kì văn hoá – văn minh Đông Sơn cách ngày nay gần 3000 năm. Cư dân Việt cổ đã lựa chọn vùng đất Cổ Bôn làm địa bàn cư trú để từ đó hình thành làng xã và sáng tạo văn hóa. Trong đó, đặc điểm nổi bật của vùng đất Cổ Bôn trong lịch sử là vừa mang mẫu số chung của văn hóa cư dân nông nghiệp lúa nước, lại mang sắc thái riêng của “*Kê Bôn*” – vùng đất khoa bảng nổi tiếng với nhiều dòng họ, danh nhân được lưu danh sử sách.

2. Với lịch sử hình thành và phát triển ngàn năm, Cổ Bôn là vùng đất tụ cư của nhiều dòng họ. Trong đó, lịch sử hình thành làng xã là một quá trình lâu dài, đầy gian khó và gắn liền với vai trò của một số dòng họ lớn. Điển hình là Họ Nguyễn, họ Lê, họ Thiệu, họ Cao, họ Lưu... Yếu tố đa dân cư, đa dòng họ đã tạo dựng cho cư dân vùng đất Cổ Bôn tính cố kết cộng đồng, sự giao lưu hòa nhập để cùng nhau hun đúc bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá đặc sắc.

Người dân Cổ Bôn cần cù, chịu khó, sáng tạo trong lao động sản xuất; kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và luôn có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa quê hương. Bề dày lịch sử hàng ngàn năm và chiều sâu văn hoá đó là niềm tự hào cũng chính là cội nguồn sức mạnh to lớn để các thế hệ cư dân Cổ Bôn tiếp tục phát huy trong thời kỳ mới; góp sức xây dựng quê hương, đất nước Việt Nam “*tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”.

3. Ở giữa thế kỉ XIX, làng Cổ Bôn mang đặc điểm tình hình sở hữu ruộng đất và kinh tế của một làng Việt truyền thống. Thông qua các đơn vị địa bạ niên đại Minh Mệnh 11 (1830) được lưu giữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I được biết đến giữa thế kỉ XIX, ruộng đất công làng xã tại Cổ Bôn có xu hướng ngày càng thu hẹp và chiếm diện tích nhỏ. Tư điền ngày càng chiếm ưu thế và phát triển mạnh. Số lượng ruộng tư phát triển, tuy nhiên, tỷ lệ nhỏ lẻ và manh mún ở các xứ đồng, chủ yếu là loại ruộng từ 1 đến dưới 3 mẫu. Năm quyền sở hữu nhiều ruộng đất tư tại các làng xã ở Cổ Bôn thuộc về các dòng họ Nguyễn, họ Lê... Đây đều là những dòng họ có lịch sử lâu đời, có nhiều danh nhân có ảnh hưởng to lớn đến địa phương, dân tộc. Các thửa ruộng lớn hơn 7 mẫu chủ yếu thuộc về sở hữu của các chức sắc hoặc ruộng Tam bảo. Tỷ lệ sở hữu ruộng tư lớn của các ngôi chùa đã cho thấy vai trò của Phật giáo đối với đời sống tinh thần của các làng xã ở Cổ Bôn nửa đầu thế kỉ XIX.

Các ngành kinh tế chính ở Cổ Bôn bao gồm sản xuất nông nghiệp và hoạt động buôn bán. Trong đó, nông nghiệp là ngành kinh tế then chốt, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống kinh tế làng xã. Cư dân Cổ Bôn đã phát triển nghề nông trồng lúa nước kết hợp làm vườn, chăn nuôi và tranh thủ những lúc nông nhàn để làm các nghề thủ công... góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống kinh tế.

Hoạt động trao đổi buôn bán cũng có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế làng xã. Trong đó điển hình là chợ Bôn. Nằm ở vị trí địa lí gần như trung tâm của làng và có hệ thống giao thông thuận lợi nên việc trao đổi, buôn bán diễn ra rất thuận tiện. Các mặt hàng buôn bán đa dạng từ các sản phẩm của nông nghiệp đến các mặt hàng thủ công, các sản vật của các địa phương khác. Vì vậy, chợ Bôn không chỉ mang tính chất chợ làng mà đã trở thành chợ vùng, địa điểm buôn bán sầm uất của cư dân Cổ Bôn với các địa phương trong và ngoài huyện. Nơi đây còn trở thành địa điểm giao lưu văn hoá để cư dân Cổ Bôn tiếp thu và tạo dựng bề dày văn hoá địa phương.

4. Đặc điểm tình hình xã hội làng Cổ Bôn ở nửa đầu thế kỉ XIX nhìn chung cơ bản giống với các làng xã khác ở Thanh Hóa và trên cả nước. Nhà nước quản lý từng cá nhân, ràng buộc cá nhân thông qua bộ máy hành chính làng xã với các chức sắc như: Lý trưởng, Phó lý trưởng, Hương mục, Trùm trưởng. Ngoài bộ máy quản lý mang tính hành chính, “*phép nước*” thì làng Cổ Bôn còn có *Hội đồng kì mục*, hệ thống lệ làng có vai trò quan trọng để điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng làng xã.

Kết cấu dân cư làng Cổ Bôn được phân chia thành tứ dân, bao gồm: Sĩ, nông, công, thương. Nức tiếng cả nước với 8 vị Đại khoa được lưu danh sử sách cùng nhiều Hương cống, Cử nhân, vì vậy, tầng lớp kẻ sĩ ở Cổ Bôn khá đông đảo và được trọng vọng. Xếp sau tầng lớp kẻ sĩ là nông dân. Đây là bộ phận chiếm số lượng đông đảo và giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế làng xã. Sau hai thành phần kẻ sĩ, nông dân là công và thương. Nhìn chung, sự phân chia các thành phần dân cư theo tứ dân nêu trên chỉ mang tính chất tương đối, một người có thể thuộc nhiều thành phần kinh tế và các thành phần kinh tế này đôi khi có tác dụng tương hỗ lẫn nhau.

Ngõ xóm được xem là cách tập hợp dân cư theo địa vực, không gian cư trú. Các ngõ, xóm được bố trí theo hình xương cá, trong đó trục chính là hai bờ của dòng Phồn Giang. Hai bên bờ có các cây cầu bắc qua, ở mỗi đầu cầu là con đường chính đi vào các xóm. Mỗi xóm lại phân thành nhiều ngõ và nối liền với nhau như hình bàn cờ. Bên cạnh ngõ, xóm, vùng đất Cổ Bôn còn có các hình thức tổ chức và tập hợp dân cư khác như Giáp, Hội tư văn và gia đình, dòng họ...

5. Vùng đất Cổ Bôn là một trong số ít những làng quê của xứ Thanh có hệ thống di tích lịch sử - văn hóa đậm đặc và những lễ hội dân gian, trò diễn và ngữ văn dân gian đặc sắc. Mặc dù những yếu tố làm nên diện mạo văn hóa của vùng đất Cổ Bôn đã không còn nguyên vẹn, song những dấu tích còn sót lại đã phản ánh đặc trưng văn hóa của một làng xã truyền thống; vẫn được người dân Cổ Bôn trân trọng, giữ gìn và phát huy.

Đặc biệt, trong quá trình hình thành và phát triển làng xã, vùng đất Cổ Bôn là địa phương hiếm có với thành tựu khoa bảng đáng tự hào. Đây là quê hương của nhiều bậc Đại khoa, Trung khoa được lưu danh sử sách và có ảnh hưởng to lớn đến tiến trình lịch sử dân tộc. Trong thời kì giáo dục Nho học, làng có đến 8 người đỗ Đại khoa ra làm quan giúp dân, giúp nước, đó là: Lưu Ngạn Quang, Nguyễn Văn Nghi, Nguyễn Văn Lễ, Lê Khả Trụ, Cao Cử, Thiều Sĩ Lâm, Lê Khả Trinh, Lê Thế Thứ cùng hơn 30 Hương cống, Cử nhân. Tất cả đã tạo dựng nên truyền thống hiếu học, bề dày thành tựu khoa bảng nổi trội cho vùng đất Cổ Bôn, huyện Đông Sơn và tỉnh Thanh Hoá. Truyền thống khoa bảng đó đã trở thành nền tảng tinh thần quý giá để hậu thế học tập, noi theo, góp sức vào phát triển truyền thống văn hoá quê hương và quá trình xây dựng đất nước giàu mạnh.

Góp phần quan trọng tạo nên bề dày thành tựu khoa bảng cho vùng đất Cổ Bôn không thể không kể đến vai trò của các bà mẹ, người vợ. Cũng như bao người phụ nữ Việt Nam khác, những người phụ nữ ở Cổ Bôn đã luôn tần tảo chăm lo, thu vén để chồng con chuyên tâm đèn sách và ghi danh vào bảng vàng văn hiến. Người phụ nữ Cổ Bôn trở thành ví dụ điển hình của phụ nữ xứ Thanh nói riêng và Việt Nam nói chung; đã đi vào ca dao và để lại dấu ấn đậm nét trong tâm thức của người dân Cổ Bôn và các địa phương khác. Hình ảnh người phụ nữ Cổ Bôn trở thành nét đẹp văn hoá của cộng đồng cư dân địa phương; có vai trò to lớn trong giáo dục các giá trị đạo đức, truyền thống hy sinh, trung hậu, đảm đang cho thế hệ trẻ hiện tại và mai sau.

Vùng đất Cổ Bôn là địa bàn lắng tụ, trung tâm phát triển văn hoá của vùng đất Đông Sơn và có nhiều đóng góp cho lịch sử địa phương, dân tộc. Những dấu tích đình làng, đền thờ, nhà thờ; những lễ hội truyền thống, trò diễn dân gian, ngữ văn dân gian; những người học giỏi, đỗ đạt cao... đã trở thành dấu ấn văn hoá đặc trưng trong quá trình phát triển hàng ngàn năm của địa phương. Tất cả đã tạo dựng cho vùng đất Cổ Bôn một diện mạo văn hoá đặc trưng mà không phải vùng đất nào cũng có được.

Nghiên cứu về làng Cổ Bôn giai đoạn từ thành lập đến giữa thế kỷ XIX, nhiều vấn đề đặt ra đã được tác giả giải quyết. Vì vậy, luận án có thể xem là công trình nghiên cứu toàn diện về vùng đất Cổ Bôn. Tuy

nhiên, do nguồn tư liệu còn hạn chế nên việc khảo cứu mối quan hệ kinh tế, văn hóa và xã hội của làng Cổ Bôn với các làng xã truyền thống khác trong mối liên hệ “*làng, liên làng và siêu làng*” còn chưa được trình bày một cách kỹ lưỡng và chi tiết hay đặc điểm kinh tế - xã hội vùng đất Cổ Bôn giai đoạn trước thế kỉ XIX vẫn còn là một khoảng trống cần tiếp tục lấp đầy. Trong tương lai gần, tác giả luận án sẽ tiếp tục theo đuổi trở lại khảo cứu để làm sáng tỏ hơn những vấn đề đặt ra./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Trịnh Tiến Dũng (2016), “Về tấm bia hộp thời Lê sơ phát hiện ở xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa”// *Tạp chí Di sản Văn hóa số 4 (57)* - 2016, Cục Di sản Văn hóa, tr.73 – 75.
2. Trinh Tien Dung (2019), “Cultural space of Thanh area (“Xứ Thanh”) (a case studies of Co Bon village)”// *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế khu vực học - Việt Nam học: Định hướng nghiên cứu và đào tạo, Viện Việt Nam học và khoa học phát triển, Nxb. ĐHQG Hà Nội, tr. 849 – 871.*
3. Trinh Tien Dung (2023), “Some Features of the Learning - Success in the Land of “Co Bon” (Dong Thanh commune, Dong Son district, Thanh Hoa province, Viet Nam)”// *Tạp chí International Journal of English Literature and Social Sciences, Vol-8, Issue-2, March - April 2023, tr. 77 – 83.*
4. Trịnh Tiến Dũng (2023) (viết chung với Vũ Ngọc Định), “Đặc điểm văn bản và giá trị nội dung của văn bia khuyến học tỉnh Thanh Hóa”// *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức - Số 64 (4 - 2023), Trường Đại học Hồng Đức, tr. 33 – 42.*
5. Trịnh Tiến Dũng (2024), “Đền thờ Nguyễn Văn Nghi (Thanh Hóa) - Nét độc đáo giữa kiến trúc tín ngưỡng đền thờ với kiến trúc thành lũy quân sự”// *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật - Số 581 (tháng 9 - 2024), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tr. 23 - 26, 49.*
6. Trịnh Tiến Dũng (2024), “Đôi nét về truyền thống lịch sử văn hóa của làng Cổ Bôn”// *Tạp chí Thanh Hóa xưa & nay - Số 31 (8/2024), Hội Khoa học lịch sử Thanh Hóa, tr.61 – 68.*